NĂM THỨ TƯ Số 170 Thứ năm 14 Décembre 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI
1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

MỤC LỤC

* Hướng đạo với nhi đồng — *Hoa-Bằng*
* Kinh Dịch quốc-ngữ — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tùy hứng — *Mộng-Sơn — Ngân-Giang — Vân-Thạch*
* Những ông Nghè triều Lê (CI) — *Ưng-Hòe*
* Những khách tiêu phòng (II) — *Hoàng-thiều-Sơn*
* Đại Nam dật sự (LI) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Hai tháng ở gò Óc-Eo (III) — *Biệt-lam Trần-huy-Bá*
* Bản góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam (II) — *Đào-trọng-Đủ*
* Ba người thợ cần mẫn (VII) — *Lê-Thanh*
* Truyện cụ Chu An (III) — *Trần-hàm-Tấn*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXIX) — *Ưng-Hòe*
* Bản sách dẫn « Đại nam liệt truyện » (XXI) — *Thọ-xuân Lê-văn-Phúc*
* An tư (tiểu thuyết XX) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$70

Nhi-đồng Việt-nam ở thế-hệ nay

HƯỚNG-ĐẠO VỚI NHI-ĐỒNG

HOA-BẰNG

Trước khi nói đến việc làm của Hướng đạo đối với nhi đồng và Hướng đạo có ảnh-hưởng trực-tiếp hoặc gián-tiếp đến nhi-đồng thế nào, tôi hãy xin mượn lời của ông bạn Hoàng Đạo-Thúy đã viết trong cuốn *Đội của tôi* (1) để giới-thiệu với các độc-giả thân mến về phẩm cách của Hướng đạo sinh đã :

« Yêu nước là lời hứa thứ nhất của Hướng-đạo sinh. Vì nước mà chết thì coi tính mạng mình nhẹ như lông hồng.

« Yêu xã-hội, yêu đời, là cái ý ngoài thứ nhất của Hướng-đạo sinh, bao giờ cũng là cái gương hoạt động của mười điều luật Hướng-đạo.

« Một Hướng-đạo trơi tỉnh, miệng cười như hoa nở. Mình vui, đem cái vui đến cho người đời, làm cho người cũng sống vui như mình.

« . . . . . .

« Đến đâu là đại-biểu ở đó của sự tin-cậy, thành-thực, thẳng thắn, hy-sinh, trong sạch ... » (tr. 4).

Đồ đệ của Baden Powell có ý hướng dẫn nhi-đồng tập đi trên đường rèn mạnh chí-khí bằng những tín-điều này :

Hoàn-cảnh tốt (anh em, chỗ chơi),
Trọng danh nghĩa,
Giữ bổn-phận,
Sửa mình,
Tập nhanh trí làm việc,
Biết nhận trách-nhiệm,
Làm thủ công,
Ngắm cảnh trời đất (núi cao, bể rộng)
Trò chơi (không ăn gian)
Bác ái (2)

***

Ngày xưa cho « chơi » là « vô ích » ; nhưng đối với Hướng đạo ngày nay, chơi đùa lại là một cần-thiết để họ dìu-dắt nhi-đồng, miễn là bao giờ họ cũng phải nhớ rằng : « Chơi lại là một dịp rất tốt để thi hành các điều luật, vì chơi mà không thẳng-thắn thì không sao chơi hay được (. . . . . .) Hết sức tránh tất cả cái cớ làm cho người ta tự tiện, tàn-nhẫn, vô-lễ ; cốt nhất trọng hiệp nghĩa... » (3)

Một buổi sớm chủ-nhật, trời đông êm đẹp, tôi đến vãn cảnh chùa Láng (Chiêu thiền tự), được mục kích mấy trăng-sinh dẫn đạo « bầy sói con » trong cuộc nhàn-du :

Dường để « thi gan » với hơi may, sương lạnh, một trăng đoàn ra lệnh cho hai mươi sáu trẻ em cởi trần, rồi xếp thành hàng-ngũ, chạy ồ ra ngoài đồng nội. Hết chạy nhảy đến ca hát. Họ hát bằng giọng vui-vẻ dưới bóng bình minh :

Ngày hôm nay,
Đông vui anh em,
Cùng sang sướng
Mà sum vầy,
Mừng chúng ta
Gia đình êm ấm
Hà hà hà ! . . .
Chung vui nhau cùng !

Khi hát, theo luật, Hướng đạo thường chọn những bài thuật lại « cái mục-đích tốt-đẹp của nền Hướng-đạo ». Mà chọn bài hát là một điều rất cần. Họ thường thích những bài « lời trang-nghiêm, đẹp đẽ, ý chí cao thượng, âm-điệu đường hoàng, hùng dũng hay vui-vẻ » (4). Vì họ cho rằng « lời đẹp thì bồi bổ cái tính ưa văn, thích đẹp. Âm điệu mạnh, làm cho người ta vui sống, khỏe khí khí, ý cao-thượng nuôi được tinh thần » (5)

Khi chơi đùa, kéo giây, bên nào thua thì phải hát mừng bên thắng một bài. Có khi họ chọn bài này :

Anh hùng xưa
Nhớ hồi là hồi niên thiếu,
Dấy binh lấy lau làm cờ,
Quên mình là mình giúp nước,
Hết sức giữ gìn lấy nước,
Gian thân trước nơi nguy nàn,
Ngàn thu lừng danh đất Bắc,
Sử-quan khắp nơi kinh hồn,
Tiếng lừng nước non.

(1) Thăng tiến xuất bản, Văn-lâm in, Hà nội, 1939.

(2) Coi mục « Chí khí bồi bổ thế nào » trong « Đội của tôi » tr. 17 18.

(3) Đội của tôi, tr. 32

4, 5) Đội của tôi, tr. 34.

***

Ngoài công việc đối với trẻ em trong đoàn như trên đã nói, Hướng-đạo còn làm nhiều việc khác cho trẻ ngoài, cũng bạn:

Hằng năm, cứ đến ngày rằm tháng tám là tết Trung-thu, mỗi đoàn Hướng-đạo thường đi tìm những trẻ ở các xóm nghèo, hay ở các hội như Tế-sinh, Bảo-anh, mà tổ-chức một cuộc vui cho các trẻ em chung hưởng.

Tết đến, Hướng-đạo cũng làm như vậy.

Tráng đoàn Hướng-đạo còn làm cái việc tỏ lòng ân cần đến bạng trẻ ở trại Trị-cụ nữa:

Những khi được phép, họ thường lên tận trại Trị-cụ mà thăm những trẻ trong trại ấy: họ đưa cho ít quà, họ kết làm như bạn hữu. Rồi mỗi tráng đoàn nhận thử tử với một trẻ bị giam. Làm vậy khiến chúng cảm biết rằng, trong khi trẻ người, non dại, chẳng trót lầm lỡ phạm tội; nhưng vẫn được xã-hội săn sóc đến. Tiếc rằng, vì tình-thế, việc này kết-quả ít lắm.

Có một tráng đoàn bỏ tiền riêng ra họp các trẻ Tế-sinh làm một bữa sói, chịu hết các phí khoản.

Lại có một tráng sinh họp các trẻ em lang-thang để tìm cho chúng công ăn việc làm. Nhưng kết cục cũng không được lâu, vì sức không đủ và khó kiếm việc làm lắm.

Hội « cứu cạo trẻ em đi ngủ mất », năm đầu, cũng do Hướng-đạo đưa dắt. Trong thời-gian ấy họ đã tìm được nhiều cách đều khiến có ích cho các em ở các trại.

Trại Thanh-niên Tam-đảo 1944 do bạn ông Ngô Bích San coi quản, đã thử cho các em tập sống theo lối « đoàn-thể » (6).

Hướng đạo, ngoài tờ *Thằng tiên* là tờ báo cơ quan của đoàn ra, còn xuất bản được loại sách *Hoa xuân*, có ích về phương diện giải trí cho tuổi trẻ. Cứ như chỗ tôi biết thì loại sách *Hoa xuân* đã ra được những tập như:

1) *Một đêm trong rừng thẳm,*
2) *Cậu bé làng Ung*
3) *Sóng gió*
4) *Hộp sữa đỏ*
5) *Gan tráng sĩ*
6) *Cô bé quay tơ*
7) *Mồ côi*
8) *Truyện con thỏ*
9) *Mối tử thù*
10) *Vui chơi ca múa, I, II, III*
11) *Thầy cai Tờ-lăng-đit*
12) *Lam-sơn họp mặt*
13) *Ba con chim*
14) *Cái sác (xác) biến hình*
15) *Ali-Baba*
16) *Lòng trẻ*
17) *Vua Bà*
18) *Trò quỉ thuật*
19) *Ông bụt chùa vàng*
20) *Mười nàng tiên*
21) *Hàn thực*
22) *Cụ không cười*
23) *Đứa bé bỏ rơi*
24) *Thạch sanh*
25) *Cái tranh*
26) *Cái đèn thần*
27) *Có ngày mai*
28) *Cô bé gan dạ*
29) *Sọ dừa*
30) *Baden Powell*
31) *Yêu trẻ*
32) *Con mèo đen*
33) *Con ong, cái kiến*
34) *Dọa thầy bói*
35) *Một đêm rừng rợn*
36) *Những sự bí mật của một tờ giấy*
37) *Nàng Bản,*
38) *Hai người bạn, I, II,*
39) *Tấm Cám*
40) *Tay không vào trại giặc*
41) *Chiếc bánh chưng*
42) *Nguyễn Mại*
43) *Con yêu râu xanh*
44) *Bắt sống*
45) *Phần thưởng danh dự*
46) *Tình mẫu tử*
47) *Từ Nam ra Bắc, v. v.*

Xin trích một mẩu văn trong cuốn *Từ Nam ra Bắc* (7):

« ... Tuấn (người trong truyện), lòng man mác ôn lại những điều mắt thấy tai nghe, lại sáng thấy bỗng bột những ý tưởng cố gắng của một học sinh biết yêu nước... » (tr. 24)

***

Như vậy, Hướng-đạo kể cũng là một « ân nhân » của nhi-đồng xứ ta.

Khi nói đến lịch-sử nhi-đồng-Lọc Việt-nam, tất người ta phải thừa nhận rằng Hướng-đạo ở đây thế nào cũng có ảnh-hưởng đến nhi đồng chẳng trực tiếp thì gián-tiếp, chẳng to-lớn thì vừa vừa...

HOA-BẰNG

---

6) *Đoạn nói về việc làm của Hướng-đạo này là theo tài-liệu trong thư ông bạn Hoàng Đạo-Thúy gửi cho. Xin thành-thật cảm tạ Hoàng-quân.*

(7) *Trần Đức Quý, sách Hoa xuân số 50, in tại nhà in Quang-hoa, Hà-nội.*

Kinh Dịch Quốc-ngữ

Ưng-hòe NGUYỄN-VAN-TỐ

Kinh Dịch là sách bói của Tàu đời xưa, và là sách triết-lý rất khó nghĩa. Có ba kinh *Dịch*, là: *Liên-sơn, Quy-tàng* và *Chu-Dịch*. *Liên-sơn* là *Dịch* của nhà Hạ (2205-1766 trước T. C.), lấy quẻ « Cấn » làm đầu, nghĩa là hình-tượng khi mây ra khỏi núi (sơn) liền-nối (liên) không dứt. *Quy-tàng* là *Dịch* của nhà Ân (1766-1122 tr. T. C.), lấy quẻ « Khôn » làm đầu, nghĩa là hình-tượng muôn vật đều chứa (tàng) về (quy) dưới đất. Nhưng hai thứ kinh *Dịch* ấy hiện nay đã mất, chỉ còn *Chu-Dịch*. Chu là tên nhà Chu (1122-255 tr. T C.).

Dịch là thay-đổi, biến-đổi. Nguyên đời Phục-hy (4477-4362 trước T. C.). tương truyền có con long-mã (thân ngựa, vảy rồng) hiện ra ở sông Hà trên lưng có nét chấm từ một đến mười (thường gọi là Hà-đồ). Vua Phục-hy nhân thấy Hà-đồ, ngửa lên xem giời, cúi xuống xem đất, giữa xét muôn vật, rồi vạch ra « bát-quái » (tám quẻ), chồng lên thành sáu mươi tư quẻ, ba trăm tám mươi tư « hào » từ bấy giờ mới sinh ra phép bói, tức là kinh *Dịch* của Phục-hy. Những vạch của Phục-hy là « tiên-thiên bát-quái » (tám quẻ nói từ trước khi có giời). Đến vua Văn-vương (1185-1135 tr. T. C.) mới vạch ra « hậu-thiên bát-quái » (tám quẻ nói về sau khi đã có giời). Văn-vương và Chu-công viết ra chữ ở dưới quẻ, gọi là *hệ-từ*. Đến đức Khổng-tử (551-479 trước T. C.) giải nghĩa những lời của Văn-vương và Chu-công, gọi là *Hệ-từ truyện*.

Đời Tần (246-207 tr. T. C.) đốt sách, duy sách bói như *Kinh Dịch* thì không bị đốt. Có lẽ vì thế mà nội các kinh đời xưa truyền lại, chỉ có *Kinh Dịch* được chu toàn; nhân đấy cho chữ *Chu Dịch* có hai nghĩa: một nghĩa do tên nhà Chu, như trên vừa nói, vì Văn-vương, Chu-công Khổng-tử đều là người đời Chu. Còn một nghĩa nữa, là đạo-lý rộng khắp, không có một điều gì là không đủ, tức là « chu toàn ».

Nói rút lại, *Kinh Dịch* của Phục-hy thì chỉ có vạch, chưa có chữ, *Kinh Dịch* từ đời Văn-vương trở xuống mới có chữ tức là *Hệ từ* và *Hệ từ truyện*.

Kinh *Dịch* là một quyển sách cổ nhất của nước Tàu, và lại nghĩa lý sâu-xa huyền-bí hơn cả, càng suy-tính ra, càng thấy rộng. Chính đức Khổng-tử là người đã giải nghĩa kinh *Dịch* phê-bình kinh *Dịch* (tán *Chu Dịch*) đọc kinh *Dịch* đến nỗi cái lề xâu bằng da bị bà lần đứt. *Sử-ký Khổng-tử thế-gia* chép rằng: « Độc *Dịch*, vi biên tam tuyệt » nghĩa là « Đọc *kinh Dịch*, dây xâu bằng da ba lần đứt » (Đời xưa chưa có giấy viết chữ vào thẻ tre, lấy dây da mà xâu lại, gọi là vi biên). Thế là đức Khổng-tử đọc kinh *Dịch* đã nhiều lần lắm, mà sách *Luận-ngữ* (Thiên Thuật-nhi) còn chép một câu của ngài rằng: « Giả ngã sổ niên, tốt dĩ học *Dịch* », nghĩa là « Thêm cho ta vài năm, để học trọn nghĩa *Kinh Dịch* ». Đức Khổng mà còn nói như thế, thì đạo-lý trong *Kinh Dịch* thật là vô cùng.

Sau đời Tần có bản *chú* (chú nghĩa) của Trịnh-Huyền người đời Đông-Hán (25-219 sau T. C.), nhưng bản ấy về sau mất, Đời Ngụy (220-264) có bản *chú* của Vương-Bật, đời Đường (618-905) có bản *sớ* (giảng thông nghĩa gọi là sớ) của Khổng-Đĩnh-Đạt, tức là *Dịch-kinh chú-sớ*, hiện nay còn lưu-hành. Đời Đường lại có Lý Đỉnh-Tộ làm quyển *tập-giải* (họp tất cả các nghĩa mà giảng). Đời Tống (960-1276) có *Dịch truyện* của Trình-Tử, và có *Bản nghĩa* của Chu-Hy đều là những bản hiện nay đang học. Ngoài ra lại còn nhiều bản, của các bậc tiên-hiền tiền-nho, như *Dịch* của Lưu-Mục đời Tống, Ngô-Trừng đời Nguyên (1277-1367), Hoàng Tông-Hy đời Thanh (1644-1911), còn nhiều bộ khác nữa, không thể kể xiết. Tuy đã có nhiều người giảng giải, mà nghĩa-lý vẫn thấy uyên-thâm.

Người Tây giải nghĩa *Kinh Dịch* cũng nhiều, như ông P.-L.-F

Philastre (ta gọi là Hoắc-đạo-sinh) (*Le Yi : King ou Livre des changements de la dynastie des Tsheou* in năm 1885-1893), ông Ch. de Harlez (*Le Yi-king, texte primitif rétabli, traduit et commenté*, 1889), ông James Legge (*The Yi-king or Book of Changes*, 1882), ông Mears (*Creative Energy, being an Introduction to the study of the Yih king or Book of Changes, with translations from the original text*, 1931), ông Z. D. Sung (*The Text of Yi king, chinesse original with english translation*, 1935), v. v.

Về sách quốc-ngữ thì chưa có quyển nào. Nay ông Ngô-tất-Tố dịch ra đầu tiên. Từ tháng sáu tây đến nay nhà Mai-lĩnh đã in được hai quyển, cộng 720 trang, khổ giấy 12 × 19.

Ai cũng tưởng sẽ giúp ích cho những người thiệp-liệp chữ nho, muốn nghiên-cứu về lối văn cổ. Nhưng xét ngay trang đầu là *Bản nghĩa của Chu-Hy*, có câu : « Kỳ từ tắc Văn-vương Chu-công sở hệ, cố hệ chi Chu », mà ông Ngô-tất-Tố dịch là « Còn lời của nó thì do Văn-vương Chu-công đặt vào, cho nên mới đặt chữ *Chu* ở trên », thì có lẽ không được đúng lắm, vì hai chữ « hệ từ » là chữ riêng của Kinh *Dịch*, nếu muốn diễn ra tiếng ta cũng phải chữa hai chữ « hệ từ » ở bên.

Có câu dịch ra tiếng ta được thì ông Ngô-tất-Tố lại để y nguyên cả chữ nho, mà chấm câu lại sai như chữ « giản mậu trọng đại » : « giản » nghĩa là « thẻ tre », đời xưa chưa có giấy viết vào thẻ tre ; « mậu » nghĩa là « dài » tức là thanh tre lấy dài ; « trọng » là « nặng » ; « đại » là « lớn », đã nhiều thì phải nặng mà to. Cứ như thế, thì ba chữ dưới là hình dáng của chữ trên, thế mà hai chữ « giản mậu » ông Ngô-tất-Tố gạch liền nhau, lại phẩy một cái, đến hai chữ « trọng đại » cũng gạch liền nhau (1) Thế là chỗ đang diễn ra tiếng nôm thì lại để cả chữ, chỗ đáng để nguyên chữ thì lại diễn ra nôm. Lại còn nhiều câu dịch tối nghĩa hơn những bản dịch chữ tây. Đây là chỉ nói có một trang đầu, xét kỹ ra thì trang nào cũng phải chữa : nếu chữa tất cả, có lẽ phải viết nhiều hơn bản dịch !

Ứng-hoè NG-VĂN-TỐ

(1) *Bản dịch chữ tây cũng giảng câu « giản mậu trọng đại » là « Kinh Dịch » viết vào thẻ tre thì nhẹ, to và nặng : « ... le volume des lames de bambou, sur lesquelles il était écrit, était gros et lourd » (Philastre, « Le Yi : king, tr. 12).*

Tùy hứng

Gió rét

Độc-địa thế này ! Hỡi rét ơi !
Gió đâu lạnh buốt bốn phương giời !
Chân không gõ dịp lung-rung vẽ,
Miệng chẳng ngâm thơ lập-cập môi.
Nghĩ lời nhân-tình quày chiều ngữ,
Bàn về thế sự khoác chăn ngồi.
Đứng đầu ngọn gió xem cây cứng,
Kìa ! Thái-bình-dương nước vẫn sôi !

MỘNG-SƠN

Trăng nước nghìn xưa...

Ngày xưa đoạt đáo bến Chương-dương,
Hoa nở bấy giờ đất Hướng-dương.
Khói lửa ngút-ngàn sông Sích-bích,
Phấn son ngơ-ngác điện Hàm dương.
Bâng-khuâng rẽ Việt mơ cung nó,
Hờ-hững dâu Hời nhớ liễu dường.
Mây nước năm năm trăng vẫn đẹp,
Hàng thần lơ-láo gã Đô Dương.

NGÂN-GIANG

Một đêm cuối thu

Đêm nghe nhạn giục đã như quen,
Sương tỏa lờ mờ khắp bốn bên.
Hiên trước, mành thưa giăng lọt kẽ.
Thềm sau, cửa khép gió lay then.
Đóm rờn thấp thoáng từng cao thấp,
Dế khóc nỉ-non giọng xuống lên
Gặp lúc thu tàn, lòng bịn-dịt
Hồn thơ lai-láng biết bao phen !

VÂN-THẠCH

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 104

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

3. — **Phạm - chính - Nghị**, người xã Hoa-kiều, huyện Lang-tài, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm hai mươi chín tuổi đỗ nhị-giáp tiến sĩ khoa giáp-tuất 1514. Theo Mạc, làm quan đến Lộ - bộ thượng-thư, tước Văn - trường bá. Là con Phạm-m ễn-Lân (đỗ tam-giáp khoa 1478). *Đăng khoa bị khảo* (q. Kinh,bắc, tờ 124) chép Phạm-chính-Nghị đỗ năm hai mươi bốn tuổi. (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 12 b).

4. — **Đoàn - quảng - Phu**, (sách chép là Đoàn - đức - Phu), người xã Hoa - đường, huyện Đường-an, Phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến đông-các đại-học sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 15 b).

5. — **Nguyễn-nguyên-Tán** (chép theo bia, còn sách chép là Nguyễn - quang - Tán), người xã Biền-bàn, huyện Thanh - lan, phủ Tiên-hưng, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến đông - các. Là con Nguyễn-công.Định, đỗ tam-giáp khoa 1463 (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 12 b).

6. — **Phạm-thọ Chất**, người xã Cao-la, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải dương, đỗ nhị-giáp khoa 1514. Lúc ấy Mạc-Đăng-Dung tiếm nghịch, hiếp vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa. Thọ-Chất làm quan với Mạc, đến chức thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 44 b).

7. — **Nguyễn - đôn - Cung**, người xã Lỗi-dương, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương, đỗ nhị giáp khoa 1514. Làm quan đến đô-ngự-sử, tước bá (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương tờ 44 b).

8. — **Nguyễn-đốc-Tín**, người xã Thạch-lựu, huyện Yên-lão, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1514, làm quan với nhà Mạc, đến chức thượng-thư, phong tước hầu. Là con Nguyễn-Kim, đỗ tam giáp khoa 1502. Là em Nguyễn-chuyên-Mỹ cùng đỗ một khoa, cùng làm quan với Mạc (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

9. — **Ngô-tùng-Củ**, người xã Hà-vị, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-son, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị - giáp khoa 1514. Làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

10. — **Nguyễn-trọng-Hiệu**, người xã Đại-đồng, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm hai mươi chín tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến thượng-thư, tước bá. Thấy nhà Lê suy, làm quan với Mạc, đến Lễ-bộ thượng-thư, kiêm hàn - lâm - viện thị-độc, quốc-tử-giám tế-tửu, văn-ban hầu, trí sĩ, thọ 74 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh - bắc, tờ 104 b).

11. — **Nguyễn - văn - Kiệt**, người huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1514 (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

12. — **Lại - gia - Phúc**, (bia khắc là người huyện Phúc - yên, phủ Yên-bình, còn sách thì chép là người xã Mỹ-xá, huyện Đông-an, phủ Khoái- châu, trấn Sơn-nam). Đỗ nhị - giáp khoa 1514. Làm quan đến thị - lang (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

13 — **Nguyễn-doãn-Khâm**, (chép theo bia, còn *Đăng khoa lục* in là Khắc - Khâm); người xã Địa-linh, huyện Phụ-dực, phủ Thái-bình, (*Đăng khoa lục* chép thuộc phủ Nghĩa-hưng), trấn Sơn - nam. Đỗ nhị giáp khoa 1514. Làm quan đến Lại-bộ tả - thị - lang. (*Đăng khoa bị khảo* q. Sơn-nam, tờ 104 *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

14. — **Chử-sư-Đồng**, người xã Hội-phụ, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến thượng-thư, trí-sĩ. Sinh ra Chử-Sư-Văn, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1544). Là cháu Chử Thiên-Khải, đỗ tam-giáp khoa 1502, là tằng-tôn Chử-Phong, đỗ tam-giáp khoa 1472. (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc tờ 35b).

15. — **Hà-cảnh-Đạo**, người xã Đào-tú, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm hai mươi bốn tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan nhà Mạc đến chức Lại-bộ thượng thư, kiêm Đô-ngự-sử, tước Sùng-lễ bá (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 104 b). *Đăng-khoa-lục* (q. 2, tờ 13 b) chép là tước hầu.

16. — **Đỗ-Cảnh**, người xã Yên-bài huyện Phụ-dực, phủ Thái-bình, (Nghĩa-hưng) trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến thị-lang. Là con Đỗ-Loại, đỗ

tam-giáp khoa 1496, là cháu Đỗ-Toàn, đỗ nhị-giáp khoa 1475 (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Sơn-nam, tờ 104 b).

17. — **Nguyễn-chính-Tuân**, (chép theo bia, còn *Đăng khoa lục* chép là Sĩ-Tuân), người xã Xuân-lũng, huyện Sơn-vi, phủ Lâm-thao trấn Sơn-tây. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến chức đoán-sự (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 13 b). *Đăng-khoa-bị khảo* (q. Sơn-tây, tờ 28 b) chép đỗ năm ba mươi hai tuổi, làm quan đến thượng-thư, tước Ngọc-quận-công. Lúc bấy giờ họ Mạc cướp ngôi, Nguyễn-chính-Tuân giữ tiết, không chịu khuất, được khen là tiết-nghĩa.

18. — **Nguyễn-Đạm**, người xã Đoàn-lâm, huyện Gia-phúc, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1514, làm quan đến thừa-chính-sứ. Là con Nguyễn-Phục, đỗ nhị-giáp khoa 1453 (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 13 b). *Đăng khoa bị khảo* (q. Hải dương, tờ 38 a) chép: người xã Đoàn-tùng, huyện Gia-lộc.

19. — **Lê-thì-Bật**, người xã Lê-xá, huyện Nghi-dương, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan với Mạc, đến chức thượng-thư, tước Văn-xuyên hầu (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Hải-dương, tờ 86 b).

20. — **Trịnh-Bá**, người xã Cà-đàm, huyện Phú-lương, phủ Phú-bình, tỉnh Thái-nguyên. Đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến Binh-bộ hữu-thị-lang (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Hải-dương và Thái-nguyên, tờ 99 a).

Khoa giáp-tuất (1514) lấy 20 ông đỗ đệ-tam-giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân, lần lượt như sau này:

1. — **Nguyễn-bỉnh-Di**, người xã Ô-mỗ, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải dương. Đỗ đầu đệ-tam-giáp đồng tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến Binh-bộ hữu-thị-lang (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 13 b).

2. — **Nguyễn-doãn-Tuy**, (sách chép là Khắc-Tuy) người xã Khánh-hiệp, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm ba mươi mốt tuổi, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Đến năm nhâm-ngọ (1522) là năm thứ bảy hiệu Quang-thiệu đời Lê chiêu-tông, Nguyễn-doãn Tuy làm quan đến Lại-khoa đô-cấp-sự-trung. Lúc ấy Lê Chiêu-tông bị Mạc Đăng-Dung hiếp chế, phải vào ở Thanh-hoa. Chiêu-tông có lệnh triệu ông, ông không chịu đến. Sau vua Chiêu-tông lại về kinh-đô Thăng-long, ông vẫn yết kiến, vua liền giết chết, thọ 63 tuổi (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 31 a-b).

3. — **Đỗ-văn-Khảng**, người xã Mỗ-trì, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Đỗ tam-giáp khoa 1514. Làm quan đến thị-lang (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 14 a).

4. — **Nguyễn-chuyên-Mỹ**, người xã Thạch-lưu, huyện Yên-lão, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp khoa 1514. Theo Mạc làm quan đến thượng-thư, tước hầu. Là con Nguyễn-Kim, anh Nguyễn-đốc-Tin: xem chuyện Nguyễn-đốc-Tin ở trên (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 14 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Hộp thư

Ô. Vũ-Hoành Qui Nhơn : hạn báo hết từ 31-6-44. Xin gửi ngân phiếu về

Ô. Nguyễn - Trãi Tamquan : hạn báo hết từ 31-11-44. Xin gửi ngân phiếu theo giá mới 160 đã gửi — 163 hết.

Ô. Trần văn Giảng Vinh : đã nhận được ngân phiếu 6$ và gửi báo kể từ 1-12.44 ou tháng 9$, ông còn thiếu 3$ xin gửi cho cám ơn

ĐÃ CÓ BÁN

VIỆT NAM VĂN-HỌC SỬ YẾU

DƯƠNG QUẢNG HÀM Giáo sư trường Trung Học Bảo-Hộ Hà-nội — 500 trang khổ lớn 15×22

DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHẮC QUẢNG Y-khoa Bác-sĩ — LÊ KHẮC THIỀN Ngoại-trú Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thẩm Phán tại tòa Thượng-thẩm Huế, 350 trang khổ 13×20

Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi

Vua chúa Ai-Ân (1)

NHỮNG KHÁCH TIÊU-PHÒNG

Mặt trời không hai, mặt trăng cũng phải có một ; — Lý-Thái-Tổ lập chín cung Hoàng-hậu bị đời sau chế cười — Chín bậc cung-tần của triều Nguyễn — « Cái ép ba nghìn » : từ trăm cung-nữ của vua Tự-đức đến ba phi tần của vua Khải-định — Đức Hoàng-Tôn vi Hoàng-cung với cửa Phật.

HOÀNG-THIẾU-SƠN

Kinh Lễ có câu rằng : « *Thiên tử hữu hậu, hữu phu-nhân, hữu thế-phụ, hữu tần, hữu thê, hữu thiếp* ».

Trong chốn phòng tiêu xưa nay vẫn *ba nghìn cái ép*. Hoàng-hậu hay chính-phi trên ngôi quốc-mẫu là bóng Hằng-nga ngự-trị chốn tranh-thiên ; cung-phi, cung-tần, cung-nhân, cung-nữ là vô-số tiểu-tinh san sát chầu-tuần chung-quanh ngôi báu.

Vì cũng như kẻ thường dân, bậc đế-vương chỉ được quyền có một phu-nhân chính-thức, mà trăm họ cũng có quyền yêu-cầu chỉ phải tôn thờ một đấng quốc-mẫu duy-nhất. Trong nước chỉ có thể có một mặt trời, một mặt trăng.

Cho nên Lý-Thái-Tổ (1010-1028) tự-ý thiết-lập chín cung Hoàng-hậu đã bị sử-thần hậu-thế phê-bình nghiêm-khắc. (2)

***

Vua Gia-Long thăng-hà di-chúc nghiêm-cấm bốn điều : « *Bất lập Hoàng hậu, bất phong vương, bất tuyển Trạng-nguyên, bất lập Tể-tướng* ».

Theo điển-lễ Nguyễn-triều, vị nội-tướng chính-thức của đấng quân-vương chỉ được mang huy-hiệu *Hoàng-quý-phi* hay gọi thường là *Quý phi*. *Chính phi*. Sau khi đức phu-quân thăng-hà, con mình lên ngôi tôn, chính-phi mới được suy-tôn lên Hoàng-thái-hậu. Bố mẹ một người con gái được chọn làm chính-phi được phong tước Quốc-công và nhất phẩm phu-nhân.

Ngoài chính-phi số cung-phi của các vua chúa Việt-nam không bao giờ định rõ là phải mấy người. Đức Minh-Mạng có định thứ-bậc của họ như sau này theo chín phẩm cũng như trong thứ-bậc quan-lại văn võ : 1· nhất giai phi, 2· nhị giai phi, 3· tam giai tần, 4· tứ giai tần, 5· ngũ giai tiệp-dư, 6· lục giai tiệp-dư, 7· thất giai quý-nhân, 8· bát giai mỹ-nhân, 9 cửu giai tài-nhân.

Ngoài chín bậc này lại còn những cung-nữ không có chức tước gì. Ở Huế, trong Đại-nội và các giới quan-liêu quý-phái người ta gọi các cung-nữ không chức tước ấy là *các chị*.

Con gái các quan tiến-cung phần nhiều đều được phong những chức-phi, tần... Họ vào Đại-nội cũng theo những thể thức trang-nghiêm, tương-tự như lễ vu-quy trong việc hôn-nhân của bách-tính.

Các cung-nữ thì phần nhiều con gái thường-dân có nhan-sắc được tiến cung để chầu-hầu đức Hoàng-thái-hậu, hay các phi, tần. Nhiều khi là bà con, họ hàng với những bậc nầy, nhân những lúc đức vua cần đổi đến chầu hầu thì họ được tiến lên. Người nào mà hoàng-đế để ý thì suốt đời ở lại trong hoàng cung làm khách tiêu phòng, kẻ nào duyên ôi, phận hẩm không được ánh mặt giời chiếu đến thì sau một thời-gian lại được trở về quê-quán. Những cung-nữ may-mắn thụ-thai với đấng chí-tôn thì được ân-phong những chức phi, tần.

Ngày xưa có một cuộc tuyển-lựa cung nhân náo-nhiệt. Dưới triều Lý, vua Nhân-tôn (1072-1128) xuống chỉ sắc cho bách-quan có con gái đến tuần cập-kê phải định mọi việc hôn-phối để chờ đức vua tuyển lựa cung nữ, chỉ những kẻ không được tiến-cung mới được lấy chồng. Sử-thần Lê-văn-Hưu trong *Đại-Việt sử ký* chê rằng : « *Lý Nhân-tôn làm như thế đã tỏ ra chỉ nghĩ đến sự sung sướng của riêng mình, không xứng làm phụ mẫu muôn dân.*

***

Người ta vẫn truyền khẩu nhau mà tin rằng số cung-nữ ngày xưa rất nhiều « Gái ép ba nghìn ». Nhưng số ba nghìn là một con số rất ngoa, đối với bên Tàu ngày xưa họa chăng có đúng, chứ bên ta thì có lẽ chưa bao giờ có được con số ấy. Nước ta xưa nay dân—

số ít ỏi, nhất là những nhà gia-tư khá giả không được bao nhiêu, phần đông dân-chúng đều nông-dân quê kệch, lấy đâu đủ số ba nghìn mỹ nữ, danh-hoa mà tiến vào nơi nhà vàng, gác ngọc. Vả chăng cung-điện nước ta nhỏ hẹp, đâu đủ tiêu-phòng để chứa ba nghìn cung-nữ ?

Dưới triều Tự-đức (1848-1883) cung-nữ hơn trăm năng. Khi vua thăng hà còn lại 103 người (3). Ông trực chung-quanh đức vua tất cả bốn mươi bà người : mười ba người để hầu ngự-thiện, ngự trà, trông y-phục, chải tóc, gội đầu, hầu quạt, chấm đóm, pha trà, rót rượu. Lúc vua làm việc, xem công-văn thì họ mài mực, và chầu hầu hai bên, có sớ, tấu của đình thần dâng lên ngự-lãm thì do họ đệ trình, không ai được đến cạnh Thiên-tử. Chung-quanh điện đức vua ngự, ba mươi cung nữ khác giữ việc canh-phòng. (3)

Dưới các triều Đồng-Khánh, Thành-thái số cung-nữ cũng còn đông. Đức Thành-Thái lại hay dùng đến các cung-nữ hơn các nội-giám, thị-vệ. Nhưng dưới triều Khải-định thì các cung-nữ rất được ít dịp trông thấy long-nhan, chỉ ở chầu-hậu hai bậc Hoàng Thái-hậu. Đức Hoàng-tôn chỉ có ba bà phi, tần, trong số ấy có đức Hoàng-thái-hậu hiện thời. Hai bà kia, một bà là phi, một bà là tần đều được trở về gia-đình và hiện sống ở Huế. Chung-quanh đức Hoàng-tôn, chỉ có những nội giám và thị vệ chầu hầu, không một cung-nữ nào được đến gần ngài.

Theo lệ xưa thì cứ cuối một đời vua, tất cả cung-phi của đức vua vừa băng đều phải bỏ chốn tiêu-phòng đến cư-tang tại lăng-tẩm của phụ quân vừa tạ thế. Mỗi một thiếu-nữ được tiến-cung trừ những kẻ sau một thời gian bị thải hồi, là một người con phải đoạn-tuyệt với gia-đình, không trở về nhà với bà con, họ hàng,

(Xem tiếp trang 13)

(1) *Dịch một bài diễn văn đọc tại giảng đường trường Trung học Albert Sarraut ở Hanoi ngày 31-3 1943. Xem từ Tri Tân số 163.*

(2) *« Đại Nam quốc sử diễn ca.*

(3) *Gosselin L'Empire d'Annam*

Xuân TRI-TÂN

(ẤT-DẬU 1945)

Thời tiết tuần hoàn, mỗi năm có một lần xuân.

Theo lẽ tuần hoàn của vũ trụ, Tri Tân mỗi năm cũng ra một số xuân để hiến các bạn đọc thân-mến một món quà Tết.

Xuân ất dậu (1945) này, các bạn sẽ thấy những cây bút đứng đầu khắp ba kỳ trên tờ Xuân Tri Tân với những bài rất công-phu về khảo-cứu, nghệ thuật, và văn chương.

Xin tạm kể mấy mục :

Thơ : Các bà Vân Đài, Ngân-Giang, Cẩm-Lại, Mộng-Sơn, Hương-Bình, Tịnh-Dế, cô Mộng-Tuyết, v. v.

Sử học : Ứng-Hòe Nguyễn-văn-Tố, Hoa-Bằng, Trúc-Khê, Biệt-Lam, Khuông-Việt, Mẫn-Khánh, Thọ-Xuân, v. v

Văn học : Tiên-Đàm, Nhật-Nham, Cách Chi, Khái-sinh, Kiều Thanh Quế, Tam Ga v. v.

KỊCH NGẮN
CHUYỆN NGẮN
PHÓNG-SỰ NGẮN
CHUYỆN NƯỚC NGOÀI
của
Giản-Chi
Lê Văn-Ngôn,
Phạm Mạnh Phan
Nguyễn-Huy-Tưởng
Phan - Văn - Hùm
MỸ - THUẬT
Hai họa-sĩ Trịnh-Vân Nguyễn Văn-Tỵ

Giữa lúc thời buổi khó khăn này, Tri-Tân, rất mong làm hài lòng các bạn đọc trong số Xuân ất-dậu (1945).

Tri-Tân rất hoan nghênh những giai-tác ở ngoài gửi đến để giúp cho số Xuân Tri Tân càng thêm xuân sắc.

TRI TÂN

ĐẠI NAM DẬT SỰ

Số 52 *Ưng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXXII. — Lê Long - Đĩnh
(bài nốt)

Lê Long Đĩnh là người hiếu sát, tể làm thịt những loài hy - sinh, như chọc tiết bò, tiết lợn, cắt tiết gà, tiết vịt, thường tay giết trước, rồi mới giao cho nhà bếp. Bắt tội người nào, thường dùng những hình thảm khốc, như sai lấy rơm quấn chặt vào người, rồi châm lửa đốt; người bị lửa cháy gần chết, thì sai tên phường chèo người Tàu (Tống vu-Nhân) tên là Liêu Thủ-Tâm cầm dao rình cắt đứt những mối rơm để không được chết ngay, kẻ có tội kêu gào đau đớn thì Thủ - Tâm nói đùa rằng: « Mày không quen chịu chết ». Long-Đĩnh lấy làm thích cười to lên.

Những khi Long - Đĩnh đi đánh dẹp, bắt sống được quân giặc, đem tất cả ra bờ sông. Khi nước thủy-triều xuống, sai người làm thủy-lao, rồi khua tất cả nhốt ở trong, đợi khi nước thủy - triều lên, tù-binh bị sặc mà chết. Hoặc có khi bắt leo lên ngọn cây, rồi sai dẫn cây, hễ cây đổ thì người lăn xuống chết. Long-Đĩnh trông thấy tỉ lích ý vui cười.

Khi đi đánh Ái-động (vào năm 1008), bắt sống được quân man, sai người đánh, quân man đau quá, kêu gào, thường phạm húy Đại-hành, Long-Đĩnh lấy làm thích lắm. *Việt-sử tổng vịnh* (q. 1, tờ 22b) chép rằng: Long Đĩnh thường cán bố, không lập mình làm vua, nên quân man phạm tên húy bố (Đại-Hành), thì Long-Đĩnh tỉ lích lắm ». Lại khi đi đánh Hoan-châu, bắt sống được quân giặc, đem về nhốt ở trong cái quây tròn rồi đốt. Nghe Ninh - giang có chỗ nhiều rắn, bắt trói người ở cạnh thuyền, sai bơi đi bơi lại ở giữa dòng sông, để cho rắn cắn chết. Lại róc nửa ở đầu tăng - thống là Quách-Ngang (*Việt sử lược* q. 1, tờ 21 b, chép là Quách-Mão, chữ Mão và chữ Ngang hơi giống nhau, dễ lẫn), giả cách là lỡ tay, dao vào đầu chảy máu, Long-Đĩnh lấy làm thích ý. Hoặc nửa đêm giết mèo làm yến cho các tước vương ăn, ăn xong Long - Đĩnh giở đầu mèo cho xem, các tước vương đều sợ, Long - Đĩnh bằng lòng lắm. (*Việt - sử lược*, q. 1, tờ 21b, chép là đều nôn ọe).

Mỗi khi tiếp đãi các quan vào triều, thường sai tên phường-chèo đứng bầu ở tả hữu để pha trò, lễ vua có nói cái gì, thì tên ấy lia-lịa cái miệng vừa cười vừa nói để làm rối những lời tâu của các quan trấp chính. Lại lấy giống thủ-cung làm gối, bảo những bọn pha-trò ấy ra tranh nhau ăn (thủ-cung thuộc về loài bò sát, như rùa, trăn, cá sấu, tuồng - luồng; thủ cung tục gọi là bích - hồ, mình thấp, sắc xám đen, có bốn chân, ngón chân tuy ngắn mà yếu, đi thường dựa vào giống thú khác, tìm những con sâu ở cạnh tường mà ăn. Sách *Bác-vật chí* chép con này ăn châu sa, mình toàn có mỗi lầu ăn, phải đủ bảy cân, mà chân ấy phải gã đủ một vạn chầy! Giống này dùng để trang điểm đàn bà con gái thì cả năm không phai, nhưng tuyệt đường phòng dục, nên gọi là thủ-cung, cứ như thế, thì tiếng ta không có tên).

Khi em Long - Đĩnh là Minh Xưởng ở Tàu về, có dỗ được một người con gái Tàu họ Tiêu, đem dâng Long-Đĩnh, Long-Đĩnh nhận rồi cho làm cung-nhân, vì hoang dâm ưu sắc; dần dần thành ra bệnh tiêu, nằm mà nếp các quan vào trầu, nên người bấy giờ gọi là « ngoạ triều ». Đến mùa đông tháng mười năm kỷ dậu (1009) ngày tân tỵ, Long - Đĩnh mất ở tẩm-điện, tức buồng ngủ (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 1, tờ 30 a-b, *Khâm-định Việt - sử*, q. 2, tờ 3 a-b).

Trên kia có nói hồi tháng 10 ta năm 1005, khi Lê Trung - tông bị Lê Long-Đĩnh giết, các quan đều chạy cả, duy một mình chức cấm-quân là Lý-công Uẩn ôm xác Trung tông mà khóc: Lê Long - Đĩnh khen là người trung, phong làm tả-thân-vệ điện-tiền chỉ huy-sứ.

Nguyên chỗ làng Công - Uẩn ở, là làng Diên-uẩn (thuộc về châu Cổ - pháp), trước kia có cây Mộc-miên (tức cây gạo) bị xét đánh *Khâm định Việt sử* (q. 2, tờ 4 a) chép rằng « Sau khi xét đánh, thấy có dấu chữ như sau này: « Thụ căn diêu diêu, mộc biểu thanh thanh. Hỏa-đao-mộc lạc, Thập bát-tử thành. Đông-a nhập địa, Dị-mộc tái sinh. Chấn cung hiện nhật, Đoài cung ẩn tinh. Lục thất niên gian, thiên hạ thái bình ». Sư Vạn-hạnh là sư ở chùa Lục-tổ, tức là Thầy học của Lý

Công-Uẩn, tự bàn riêng rằng: « *Thụ căn diêu diêu* »: *Căn* nghĩa là « gốc », « gốc » cũng như « vua ». Chữ *diêu* đọc gần giống chữ *yểu* nghĩa là « chết non ». « *Mộc biểu thanh thanh* »: *biểu* nghĩa là « ngọn », « ngọn » cũng như « bảy tôi ». Chữ *thanh* đồng âm với chữ *thanh* (có thảo đầu), nghĩa là xanh tốt. *Hòa-đao mộc* là chữ « Lê ». *Thập-bát-tử* là chữ « Lý ». *Đông-a* là họ « Trần ». *Nhập địa* là « người Tàu vào ăn cướp ». *Dị mộc tái sinh* là « họ Lê lại sinh » (có bản viết là « mộc dị » nghĩa cũng thế). « *Chấn cung hiện nhật* »: *Chấn* là « phương đông ». *hiện* là « mọc ra » *nhật* là « mặt giời » ví ngôi vua. *Đoài cung ẩn tinh* »: *Đoài* là « phương tây » *ẩn* cũng như mất. *Tinh* là « sao », ví thường-dân. Đây nói vua chết non tội thịnh, nhà Lê mất, nhà Lý lên, phương đông ngôi vua hiện ra, phương tây thường-dân mất đi, qua sáu bảy năm, thiên-hạ được thái-bình ».

Tuy Sử chép như thế, nhưng không nên tin là có thật, đại-để cũng như chuyện Lê-Lợi sai người đẽo mỗ viết vào cây mấy chữ « Lê Lợi vi quân, Nguyễn-Trãi vi thần » nghĩa là « Lê-Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm tôi ». Về sau Lê-Lợi đuổi được người Minh ra khỏi đất nước, thì mấy chữ ấy thành ra sấm thật!

Sư Vạn-hạnh giải nghĩa một mình xong rồi, bảo Công-Uẩn rằng: « Gần đây tôi xem lời sấm, thì biết cái điềm nhà Lê mất, nhà Lý thịnh, chẳng là khởi nghiệp đế vương, hiện nay họ Lý ở trong nước thì nhiều, nhưng không ai bằng ông là người khoan-từ nhân-thứ, lại được lòng dân. Mà lại cầm binh-quyền ở trong tay là cốt trụ cả muôn dân, không phải ông thì ai vào đấy? Tôi nay đã ngoài bảy mươi, xin đừng chết vội, để xem đức hóa của ông thế nào, thực là dịp may nghìn năm mới có một lần ». (*Việt-sử lược*, q. 2 tờ 1 b chép rằng: tôi đã ngoài bảy mươi, tiếc rằng không kịp trông thấy đời thịnh trị).

Công-Uẩn nghe Vạn-hạnh nói, sợ tiết lộ, bảo anh đem Vạn-hạnh giấu ở Tiêu-sơn (*Việt-sử lược*, chép là Ba-sơn). Nhưng từ bấy giờ Công-Uẩn cũng có ý tự phụ, và sinh lòng dòm ngó thần-khí, mà lòng người cũng quy-phụ nhiều. Có khi Lê Long-Đĩnh ăn quả khế được hội mận (thực ngũ liêm quả đắc lý hạch) nghĩ đến lời sấm, thường ngầm cho đi tìm họ Lý để giết, thế mà Lý Công-Uẩn ở ngay bên cạnh, lại không biết!

Năm thứ hai hiệu Cảnh-thụy (1009), Lê Long-Đĩnh mất, tự-quân còn nhỏ, Lý Công-Uẩn lúc ấy ba mươi sáu tuổi, cùng với chức hữu điện-tiền chỉ hậu-sử là Nguyễn Đô, đem năm trăm long binh vào tức-vệ (chầu trực). Lúc ấy ở nội-điện có chức chi-hậu là Đào-cam-Mộc, dò biết Lý Công-Uẩn có ý muốn làm vua bèn lừa lúc vắng người, nói rằng: « Chúa-thượng hôn-mê, làm nhiều điều bất nghĩa, ý giời đã chán, nên không được thọ chung, nay tự-quân còn bé, chịu thế nào được nhiều nạn các vệ rối bời, bách thần không nương tựa, nhân-dân đang nhao-nhao, để tìm chân-chúa. Sao ông không nhân lúc nầy bắt-chước như Tuang, Vũ ngày xưa, như Đinh, Lê mới rồi, trên thuận lòng giời, dưới theo nhân-vọng, mà còn giữ khư-khư tiểu tiết mà làm gì? » Công-Uẩn tuy trong lòng thích lắm, nhưng còn ngờ có gian-mưu gì khác, mới giả cách mắng rằng: « Sao ông lại nói thế, tôi bắt ông nộp quan bây giờ! » Cam-Mộc thong-thả thưa rằng: « Tôi xem thiên-thời nhân-sự như thế, nên mới bảo ông. Nay ông bắt tôi nộp quan, tôi đành chịu tội ». Công-Uẩn nói: « Tôi nỡ nào lại bắt ông đem nộp, nhưng sợ lời nói ấy tiết lộ, thì chúng ta cùng bị chết, cho nên răn trước ».

Đến hôm sau Cam-mộc lại bảo Công-Uẩn rằng: « Người trong nước đều nói rằng nhà Lý thay nhà Lê, vì lời sấm rõ ràng, không thể che lấp được nữa. Chuyện họa làm phúc, chính là lúc này, ông còn nghi ngờ gì nữa? » Công Uẩn nói: « Tôi biết ý ông cùng lời sư Vạn-hạnh giống nhau, nếu thật như thế, bây giờ làm thế nào? » Cam-Mộc nói: « Ông là người công-thần khoan-nhân, lòng dân tin phục, đương lúc này trăm họ mỏi mệt, dân không chịu nổi chính-sách của Lê Long-Đĩnh, ông nên lấy lòng nhân-đức vỗ-về, họ tất theo mau như nước chảy chỗ trũng, chẳng ai ngăn nổi. »

(*Xem tiếp trang 15*)

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p00 một vé

Lữ-ký

HAI THÁNG Ở' GÒ ÓC-EO

HAY LÀ CÂU CHUYỆN ĐI ĐÀO VÀNG

Số 3

của Biệt-lam TRẦN HUY BÁ

Đi Long-xuyên

Theo đúng chương trình đã định, thì đoàn phái-bộ khảo cổ chúng tôi phải đi Long-xuyên vào ngày 5 II, nhưng hôm nay đã là ngày 7 rồi! Chúng tôi nóng lòng chờ đợi ông J M ở Hà-nội vào là đi liền, vì đoàn phái-bộ đã thu xếp các thứ cần dùng: như sẻng, cuốc, búa, dao, thàng, sọt, giấy má, thuốc men, bao quẹt, sà-phòng, chiếu, màn, chăn đệm, tiền sự, tiền bào, nói tóm lại, các đồ vật cần dùng như một trại quân. Ông Chánh đoàn đã dự bị đủ. Vậy mà càng mong càng thấy tới! Kịp khi đến nhà ga hỏi, mới hay chuyến tầu Hà nội đi hôm thứ bảy 5. II bị chậm trễ. Suốt ngày hôm 7 tới-năm giờ chiều ngày 8 mới hay tin, vào khoảng 8 giờ tối thì xe hỏa tới. Khi xe dừng bánh, ông J. M. có vẻ mệt nhọc, vội vàng nói cho chúng tôi hay cái cớ mà xe hỏa bị trễ. Thì ra đoàn xe của ông đi đã bị tai-họa ở dọc đường, may cho ông không bị nạn.

Sáng ngày 9. II, đoàn phái-bộ, phải lên đường, vì ô tô và cam nhông đã đốt than chờ đợi, lại còn mười lăm người bạn Trại-sinh « campeurs » nóng lòng chờ nữa. Vậy dù ông J. M. có còn một nhọc cũng phải gắng gượng đi cùng, nếu ông ở trễ lại, thì sự đi đến sẽ phiền tỏa cho ông nhiều lắm, vì từ Saigon đến Long xuyên trong lúc này đi được không phải dễ dàng gì! Thế là hồi 9 giờ ngày 9 chúng tôi đã vàng thượng lộ

Cam-nhông lò quạt xè-xè...,
Chín giờ chuông điểm, bánh xe quay liền.
Theo đường chỉ Long-xuyên tiến phát,
Liệt phố-phường, qua hạt ruộng-nương,
Xa trông thẳng tắp một đường,
Phẳng lì lát nhựa, hai hàng cây cao,
Đôi bên có sông đào dẫn nước,
Dân là điền sau trước ở đông.
Mỗi nhà một cái cầu vồng-
Bắc qua ngòi chảy, bóng lồng nước trôi...,
Có « vựa lúa, mám sói » đằng trước,
Có cỏ hoa vườn được đặt bày,
Có nhà ngói lợp, tường xây,
Có nhà vách nát tả-tơi-tiêu điều!!!
Tới nẻo rẽ theo chiều tay phải,
Ngắm hàng cây một dải ô che,
Tít xa một vạch thấp xè...,
Vuông vuông xanh đỏ vàng the đủ mầu...,
Có ruộng lúa rũ đầu chín tới,
Có nơi kia, lúa mới cấy xong,
Có nơi lúa mới đòng-đòng,
Có nơi lúa đã gặt xong bao giờ.
Thế mới biết tùy-cơ canh-giá...,
Riêng vùng này có lạ các nơi!
Đoái trông xa tít chân trời,
Không làng, không xóm, không người lại qua!
Nhìn càng đắm, ngắm càng xa...,
Cò bay thẳng cánh, thực là không sai!
Cùng anh em, đường say ngắm cảnh,
Sông Mê kông một cánh đò ngang,
Vội vàng kẻ xách, người mang,
Xuống phà sà-lúp kéo sang bên ghềnh,
Giữa dòng sóng, mỗng-mênh nước chảy!
Đợt sóng dồn, hây hẩy gió nam...
Tới Long-xuyên vừa nhằm bảy rưỡi,
Đoàn xe dừng bên dưới bóng cây,
Bình-đức công-sở nơi đây,
Anh em vào đó, đóng ngay trên tầu.
Sửa chăn màn hồi lâu chu-tất,
Rồi cùng nhau, dạo hết phố-phường,
Coi chừng nhà cửa phong quang,
Bán buôn sầm uất, xóm làng đông vui!
Người mua bán tới lui tấp nập,
Cách bên sông chợ họp tưng-bừng,
Kẻ ăn, người uống như rừng!
Bánh quà la-liệt, coi chừng hết mau!
Bên tụ họp cùng nhau ăn uống,
Đoạn tiệc rồi cùng xuống thuyền bơi,
Vừng trăng trong suốt bầu trời,
Khác gì Xích-bích thỏa đời ông Tô.
Kìa mặt nước nhấp nhô gợn sóng!

Nọ buồm ai che bóng trăng vàng!
Lửa đèn ông-ánh hai hàng,
Gà đâu eo-xạc, bên làng gáy om,
Trống bên lầu tom-tom điểm nhặt,
Gió hiu-hiu mát mặt đôi cơn...
Nhặt khoan giọng sáo, tiếng đờn,
Cái kho vô tận, thú hơn cõi trần...
Cùng nhau đã muốn phần khoái lạc...
Khác chi lầu Hoàng hạc tiên du!
Chả chơi thì thiệt ai bù?
Trăng trong gió mát, ấy, kho trời dành.
Còn đương ngắm non xanh, nước biếc,
Còn đương trông ngàng chiếc sao mờ,
Còn đương giùng-giằng ngẩn ngơ,
Con thuyền đâu đã kề bờ sông trong,
Sau một cuộc mát lòng, giải trí,
Ngủ mê hồi cho chí sớm mai.
Ở yên lại đó hai ngày
Tìm mua thêm thắt vật này, đồ kia,
Sớm mười chín, trời chưa hẳn sáng
Đã cùng nhau sắt-sẵng lên đường!
Trời còn nặng trĩu bầu sương,
Đoàn xe sầm sập, thẳng đường tiến mau!
Nhìn mắt lại, phía sau bụi cát:
Kia vừng đông nhân-nhạt đỏ hẩy!
Hai bên làng xóm ngủ say,
Riêng ta sớm đã vụng tay tiến hoài...
— Đi đâu thế? những ai trông ấy?
— Đi đào vàng, cố lấy của xưa,
Hóa nên chẳng ngại nắng mưa!
— « Tham vàng bỏ ngãi thời chừa biết không? »
Ay văng vẳng trên không bảo thế,
Hay là nhời Thượng-đế truyền răn!
Cái đầu nghĩ ngợi băn-khoăn,
Được thua há lọt ngoài vành Hóa-công!
Hãm hai cây, tới sông đào đó,
Cùng xuống thuyền ca-nốt kéo đi,
Hai bên đồng ruộng phẳng lì,
Mịt-mùng thăm-thẳm càng đi càng dài.
Tới Vọng-thê mười hai giờ đúng,
Đủ kỳ-hào, dân-chúng đón mời.
Chén trà vừa xắt xong-xuôi,
Tiệc cơm kịp đặt cùng ngồi vào ăn.
Xong rồi thu xếp màn chăn,
Sa la gần đó xếp thành « trại quân »!
Ấy nơi đó trú chân sớm lối,
Còn uống ăn theo lối công đình,
Hai ngày nghỉ dưỡng tâm tình,
Ô-eo cách đó, hành trình còn xa...
Bốn cây số lội qua ruộng cỏ,
Cát bùn pha đất đỏ lô nhô....
Xa trông thấp thoáng mấy gò,
Kia gò Cây-thị, nọ gò Ốc-eo,
Gò Giồng cát lèo tèo mấy xóm,
Làng Ông-Phi một mỏm chạy dài,
Nhấp nhô gò đá một hai,
Ông-Tà lại mọc một vài cây Trôm.
Ngắm địa thế hai hôm về trước,
Đồ cổ xưa nhặt được khá nhiều,
Mảnh sành, hạt ngọc, nồi niêu,
Cùng đồ trang sức mỹ miều khắp nơi.
Viện Bác cổ phái người xem xét,
Các phái viên đó xét từng li,
Hễ tìm kiếm được vật gì,
Bản đồ kịp giở, tức thì biên tên,
Đóng cọc trắng hai bên cho thẳng,
Buộc giấy thành từng chặng ô vuông,
Phải đào cho thật ra tuồng.
Gặp gì cũng chớ coi thường bỏ rơi.
Ấy công việc tìm-tòi cổ tích,
Các nhân-viên giúp ích đã nhiều...
Giúp vào văn-hóa bao nhiêu,
Riêng phần Bác cổ có nhiều điện chương!
Gọi mấy nhời dung-thường chép nhặt,
Cho khỏi quên sự vật hằng ngày.
Còn nhiều chuyện thú sau này.
Xem chương nhật-ký sau đây sẽ tường.

(Vọng-thê 27 11-44)

(Còn nữa) *Biệt lam* TRẦN-HUY-BÁ

NHỮNG KHÁCH TIÊU PHÒNG

(Tiếp theo trang 9)

thỉnh thoảng chỉ mẹ hay chị được vào thăm viếng trong Hoàng-thành. Cuộc sống trong cung thật là yên-lặng, không liên-lạc gì với cuộc sinh-hoạt của xã-hội bên ngoài.

Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh.

Những nội-thị già bậc-hạ dưới triều đức Khải-định kể lại rằng đức Hoàng-tôn mỗi khi nói đến các cung nhân thường phan dạy: « *Hoàng-cung đây là một cảnh chùa, ai muốn xuất gia ít lâu cho phép vào đây tu hành* » để tả vẻ thâm nghiêm của chốn tiêu-phòng trong mười năm ngài trị vì.

HOÀNG THIỀU-SƠN

BÀN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT-NAM

SỐ 2

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

Láu cá. — Láu-cá không phải láu-lỉnh và hiến láu. Liến-láu ở chữ lin lẩu tiếng quảng-đông. Liến-láu lộn ngược lại, thành láu-liến, tức là láu lỉnh. Còn *láu cá*, nguồn gốc ở chữ *giảo hoạt*. Giảo giọng Bắc-kinh là chẹo; chẹo thành ra láu, có một tương-chứng nghịch là *lạp* thành ra tháng *chạp* lam thành ra màu chàm. *Hoạt* thành ra *cá*, có ngoại-chứng: âm hoạt nhật-bản đọc là *kots i*.

Đánh cá. — Ta thường nói đánh cá, không ai nói đánh chim, vì đánh cá là tiếng liền, nguồn-gốc ở chữ đả ngư, quảng-đông là tẻ yỳ. Tẻ yỳ việt-hoá ra hai tiếng sinh-đôi: đánh cá và đánh giậm.

Đánh bạc. — Đánh bạc không phải là *f apper-arge. t*. Đánh bạc là tiếng liền, nguồn gốc ở chữ đồ-bác. Đồ-bác thành đánh bạc vì chịu ảnh-hưởng chữ đánh bài, cỗ rễ ở chữ tả phải, quảng đông. Đồ đã thành ra đánh, thì bác không thể giữ nguyên-âm được. Đồ bác phải cần đến tiền, nên chữ bác biến thành chữ bạc: đồ bác là đánh bạc, không phải lấy gậy đánh chó đánh bác.

Đánh thuế. — Chữ nho là đã thuế, giọng quảng-đông là tẻ sui. Chữ tẻ sui của người Khách có hai nghĩa: nhà nước tẻ sui, là nhà nước đánh thuế, dân gian tẻ sui là dân-gian đóng thuế. Chữ tẻ sui biến thành hai tiếng sinh-đôi Việt-nam: đánh thuế và đóng thuế. Đánh bạc không nên nhầm với đánh thuế, cũng như đóng thuế không nên nhầm với đóng đồn: cùng một âm *đánh* âm *đóng* mà nguồn-gốc mỗi đàng một khác.

Khảu khỉnh. — Ở chữ hào khản, tiếng Bắc-kinh là trông đẹp. Hào khản thành ra khảu-khỉnh, vì luật thụ-hưởng và luật đồng-âm: đồng điệu: ba luật này một bài sau tôi sẽ bàn đến. Hào khản thành ra khảu khỉnh là theo điệu chữ láu-lỉnh. Khản thành ra khỉnh cũng như lẫn (đại lẫn) thành ra lỉnh (lười lỉnh).

Ngộ-nghỉnh. — Cùng một nguồn-gốc với hai chữ khảu-khỉnh. Chữ hào thành ra chữ ngộ có một tương-chứng là chữ ngọ-bậu, tiếng nhật đọc là gô-ngô (chữ latinh viết là gogo, nhưng đọc tựa như gô-gô).

Sạch-sẽ — Ở chữ thanh khiết, Bắc-kinh đọc là *shinh chié*. Shinh thành ra shanh, shanh thành ra sạch. Chiề thành ra sẽ và dùng làm tiếng đệm. Ý nghĩa hai chữ thanh-khiết tụ vào cả chữ *sạch*.

Ngoài ra. — Ở chữ ngoại giả. Ngoại thành ra ngoài, *giả* phải thành ra *ra*: ý *bên ngoài* đã gợi ra ý *đi ra*. Ta không nhầm chữ *ra* (ngoài ra) với chữ ra (đi ra), nguồn-gốc ở chữ xuất, và chữ *ra* (ra phết), cùng một cỗi-rễ với hai chữ chia bomphốt, tiếng Cao-mên. Chia bomphốt rút ngắn lại thành *chia phốt* tức là *ra phết*.

Thoạt tiên — Chữ thảo sơ, tiếng quảng-đông, nho-hóa ra *đầu tiên* và dân-hóa ra *thoạt tiên*. Rồi chữ thoạt ta lại dùng riêng ra và ghép với chữ khác, như *thoạt mới*..., *thoạt đầu*....

Sành nghề. — Sành nghệ cùng nghĩa với thiện-nghệ. Nghệ thành ra nghề, thì thiện phải thành ra sành. Thiện đã thành ra sành, thời tất-nhiên thiện-tài phải thành ra sành-sỏi: chữ sỏi quảng-đông thành ra ba tiếng Việt-nam: *tả* trong chữ tài-năng, *giỏi* trong chữ giỏi-giang, và *sỏi* trong chữ sành-sỏi.

Lề-lối. — Lẫy-lợt quảng-đông thành ra *lệ-luật*, chữ nho, và *lề-lối* tiếng nôm. Cùng một chữ lợt, đi với *lề* thì thành ra lối (lề-lối) đi với *một* lại thành ra loạt (một loạt, tức là nhất luật).

Đóng vai. — Nguồn-gốc ở chữ đả bản. Đả bản thành ra đóng vai cũng như đã thuế thành ra đóng thuế. Đều là tiếng liền ngoại quốc biến thành tiếng liền Việt-nam. Chữ bản đi riêng một mình, còn thành ra bận và mặc (bận quần áo, mặc quần áo).

Đúng-đắn. — Người Nam thường nói là đúng-đắn và cắt-nghĩa là đúng exact, juste. Cắt-nghĩa như vậy, không phải là vô-lý, vì đúng-đắn nguồn-gốc ở chính-đáng, mà *chính* nghĩa là *đúng* thật. Nhưng trách người Bắc nói đúng-đắn không đúng, thời vị-tất đã đúng. Hai chữ chính-đáng ở ngoài Bắc thành ra đúng-đắn, vào trong Nam thành ra đứng-đắn, cũng như savon thành ra sà-phòng của người Bắc và sà-bông của

người Nam. Huống chi vần *chính* Việt-hóa ra tiếng nôm có thể biến thành nhiều tiếng khác nhau, ví-dụ:

chính (chữ nho) thành ra đứng (đứng-dắn)
— id — đúng và giêng (tháng giêng)
chỉnh (—) — id — sang (sửa-sang)
chinh (—) — id — chiêng
chinh (qd) — id — chứng
chỉnh (qd) — id — giếng
chinh (chữ nho) — id — dẫn (dỡ-dẫn)

Trái lại, âm đúng Việt-nam có hai nguồn-gốc: đúng chín giờ, ở chữ chính và ngắm cho đúng, ở chữ trúng, nói chạnh đi; âm đứng có ba nguồn-gốc: đứng ngồi, ở chữ trạm Bắc-kinh (nho là trạm), đứng-dắn ở chữ chính-đáng, và đứng lại, là tiếng sinh-đôi với chữ giựng (dừng), nguồn-gốc ở chữ đình (đình-chỉ). Chữ đứng-ngồi lại chuyển thành chữ giựng (dựng): giựng lên tức là để đứng lên. Vậy nói đứng-dắn cũng được, nhưng không nên tưởng chữ đúng ấy là ngắm cho đúng. Nói đứng-dắn cũng được, nhưng không nên viện lẽ đứng-dắn là nói về cách cử chỉ, cách đứng ngồi.

Đi nữa và chăng nữa. — Cùng một nguồn-gốc: *đi nữa* hay *chăng nữa* ở chữ *dịch thoại*, tiếng Bắc kinh đọc là tơ hoa hay ti hóa. Dịch thoại dịch nghĩa ra tiếng nôm, là đến điều, như câu «vì dù giải-kết đến điều». Phiên-âm ra Việt ngữ, là đi nữa hay chăng nữa. *Ti* thành ra *đi*, không cần phải cắt-nghĩa. *hóa* thành ra *nữa*, như hỏa thành ra lửa (tương chứng thuận) và *đào* thành ra *hoa* (tương-chứng nghịch, xem chữ *đầu lâu hoa cái*). Còn *tơ* thành ra *chăng*, có một tương-chứng thuận là tố (cho là đa) thành ra chán (chán vạn). Vậy *đi nữa* hay *chăng nữa* nguồn-gốc ở chữ tơ hóa. Mà câu gỡ ra cho nữa còn gì là duyên, ông Nguyễn-văn-Tố bàn đến hôm trước, không phải là không có nghĩa: gỡ ra cho nữa, là gỡ ra chang nữa nói chạnh đi, hoặc gỡ *cho* ra nữa cho *cho* đọc nhầm xuống dưới chữ *ra*.

Đầu lâu hoa cái. — Cũng là tiếng Hán: đầu lâu là đầu lư, hoa cái là não cái, cùng nghĩa là sọ cả. Đầu lư não cái thành ra đầu lâu hoa cái. Lư thành ra lâu vì chịu ảnh-hưởng chữ đầu (như ưu-sầu thành ấu sầu). (Não thành ra hoa, vì vần L (chữ lâu) có «*thanh khí*» (affinité) với vần H (hoa) nhiều hơn với vần N (não).

Buôn bán. — Ở chữ thương-mại: thương thành buôn như tiết thành bầy, mại thành bán vì vần B vần M đổi lẫn cho nhau được, vần *an* vần *ai* cũng đổi lẫn cho nhau được (xem chữ *đông vai*) buôn bán là chữ Hán, bán đây không phải chữ phán ghép với chữ buôn (phán, bộ bái bên chữ phản).

(Còn nữa)

ĐÀO-TRỌNG-DU

ĐANG IN LẦN THỨ 2:

LÀM BẾP GIỎI

Sách giấy hơn 300 trang. Có thêm nhiều bài mới lạ. In có hạn, Xin trả tiền trước. Không gởi lĩnh hóa giao ngân.

**Giá 10$** *cước phí 1$*

Nhà xuất bản Phụ-Nữ phát hành. Thư và mandat để cho:

Bà ĐÀO THỊ MINH
118 Duvillier — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 11)

Cam-Mộc biết việc đã gấp, sợ chậm sinh biến, bèn dì bảo các khanh sĩ trong triều, ai cũng duyệt phục. Ngày hôm ấy Lợi ở triều đường, cùng bàn nhau rằng: «Hiện nay ức triệu nhân dân đều khác lòng và oán tiên đế (Long-Đĩnh) là ngược, không muốn theo tự quốc, có lòng muốn tôn chúa thân-vệ, chúng ta nếu kiêm gian lúc này tôn thân vệ làm thiên tử, chợt một mai có biến, thì bọn ta có thể giữ được tính-mạng không?» Nói xong, ùng mời Công Uẩn vào cung điện, lên ngôi hoàng đế, trăm quan đều lạy trong ngoài đều hô vạn tuế, tiếng khắp trong triều ngoài nội, đại xá thiên hạ, lấy năm sau (1010) làm năm thứ nhất niên hiệu Thuận-thiên ban chiếu rằng từ nay có người tranh tụng, đến thẳng triều-đình, tâu vua, vua thân xét đoán. Các quan dâng tôn hiệu là «Phụng-thiên chí-lý ứng vận tự nhiên thánh minh long-hiện duệ văn anh vũ sùng nhân quảng-hiếu thiên hạ Thái bình Khâm-minh Quang trạch chương-minh vạn bang hiến-ứng phù-cảm uy-chấn phiên-man duệ-mưu thần-trợ thánh trị sáng-thiên đạo-chính hoàng-đế».

Tất cả 50 chữ, y như các tôn-hiệu của vua chúa Ấn-độ và các nước theo văn-hóa Ấn-độ. Ngô sĩ-Liên chê rằng: «Những ông vua thánh thần như Nghiêu Thuấn cũng chỉ dùng đến hai chữ, về sau ông vua nhiều lắm thì dùng đến 10 chữ là cùng, đây Lý Thái-Tổ dùng đến 50 chữ, con là Thái tôn lại dùng gần 50 chữ, thật là không xét cổ-học, để đời sau thêm cười» (*Đại-Việt sử ký toàn thư*, q. 1, tờ 30 a-34 a).

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN TỐ

BA NGƯỜI THỢ CẦN MẪN

Số 7 (1)

LÊ-THANH

Ngoài ra còn bao nhiêu bài khác, về luật học, kinh tế-học, giáo dục... người ta có thể nói rằng tạp chí Nam phong chứa đựng hầu hết các ngành học của người và vì vậy, tạp-chí ấy có tự nhận, cái danh là một bách-khoa tạp-chí. (Revue encyclopédique), cũng không phải là quá đáng.

Hãy để ra ngoài cái công của tạp chí ấy đối với « quốc văn », cái ảnh hưởng của những mục văn luận thuyết, văn học, triết học, khoa học vừa nói trên, đối với nền tư tưởng Việt-nam không phải là nhỏ.

Ta còn nhớ đầu thế kỷ này các nhà nho ta bắt đầu đọc những sách tàu dịch ở những văn chương âu-tây — thí dụ : Vạn pháp tinh lý của Montesquieu. Dân ước của Rousseau...—mà thời bấy giờ gọi là *tân thư*. Tôi đã được một vị túc nho thuật lại cho nghe việc đọc những tân thư ấy ; người mình ham mê đọc, đọc xong đem ra bình luận, tựa hồ như vừa được trông thấy một thứ ánh sáng mới, những ánh sáng ấy có thể làm sống lại những tâm hồn đã cằn cỗi và đang hề lả

Tôi chắc rằng thời kỳ mươi năm sau này, người ta phải đọc những bài cũng có cái tính cách tân thư trên kia, cũng phải hoan nghênh như thế. Hay hơn nữa vì không những đọc biết những tư tưởng mới với những bài như « văn minh học thuật nước Pháp, « văn học nước Pháp », « Thế giới tiến bộ sử » v.v... mà còn được trông thấy những tư tưởng ấy diễn tả bằng tiếng Nam mình.

Người ta ham-mê đọc để hiểu và để so sánh. So sánh những cái hay của người với cái cổ hủ của mình. Đấy là nói về cái phần văn học và tư tưởng của Thái tây, Phần Đông phương cũng không kém phần quan hệ. Những học thuyết, những tôn giáo, những trào lưu văn học đã tràn vào ta, chủ từ ở ta, làm căn bản cho cuộc đời sống vật chất và tinh thần của ta, báo Nam-phong có đem thuật ra cho những người không có nho học đọc.

Nói về các công của Nam-phong trong phạm vi này, tôi muốn nhắc lại đây lời của ông Thiếu-Sơn trong một bài phê-bình ông Phạm-Quỳnh :

« Cái công-phu trí-tác của ông, ích cho quốc-dân không phải là nhỏ mà ảnh hưởng đối với nhân-chúng cũng thật là sâu. Có nhiều người không biết đọc văn Tây văn Tàu, chỉ nhờ Nam-phong tin-đức mà cũng có được cái tri-thức phổ thông tạm đủ sinh hoạt ở đời. Có nhiều ông đồ nho chỉ xem Nam-phong mà cũng biết được đại-khái những văn-chương học-thuật của tây phương, có lắm ông đồ-tây chỉ xem Nam-phong mà cũng hiểu qua được cái tinh-thần văn-hóa của Đông-Á ».

(Phê-bình và sảo luận)

Nói về cái địa vị của ông Phạm-Quỳnh trong việc gây dựng cái nền quốc-văn, có người bảo từ hàng thế-kỷ nay không có người nào có cái công lớn như ông. Ngài đến Trương vĩnh-Ký cũng là một số người vô-danh Nam-kỳ cuối thế-kỷ trước đã từng chiến đấu cho sự sống còn của chữ quốc ngữ ta cho lời nó có phần quá đáng, nhưng không phải là không có lý. Cái ảnh hưởng của ông đối với quốc văn trong khoảng mười lăm hai mươi năm vừa qua vừa rộng vừa sâu, lượng đo được để định lấy cái công của ông thực là khó.

Khi tờ Nam phong xuất bản, vẫn biết ông Nguyễn văn Vĩnh và một số đồng-chí đã nhóm được cái phong trào quốc văn, nhưng cái phong trào chưa được bồng bột cho lắm. Chữ quốc-ngữ thì nghèo nàn, mỗi khi dùng đến là băn khoăn lúng túng. Thêm vào đấy một kiềm tượng mới là bỏ được cái học chữ nho — lúc này thi hương thi hội đã bỏ — người mình lại quay đi học chữ Tây, cũng miệt mài như khi xưa đi miệt mài với chữ nho vậy. Thành thử năm bảy năm về trước người thức giả vụ quốc văn có hai việc : ly-giáo người mình với chữ nho, cổ động, người mình học chữ quốc ngữ, ngày nay ông Phạm Quỳnh cũng lại có hai việc : tỏ rõ cùng chính phủ, cùng đồng bào

(Xem tiếp trang 20)

(1) Xin xem T. T. 158

Truyện cụ Chu-Văn

Số 3

TRẦN HÀM-TÂN

Cành vàng lá ngọc gò Đông,
Áu vàng vững-chãi non sông đời đời,
Lòng son vì nước có Trời,
Phượng hoàng đậu chốn nhớ nơi lai triều.

Cụ tới nhà, cỏ hoa hớn hở, chim muông vui mừng; ngờ đâu bạc vàng đã trực, mây trắng đang bay, ngày 21 tháng một năm ấy, cụ thấy thân thể mỏi mệt; ngày 26 cụ mất ở nhà. Vua Nghệ-tông sai quan đến tế và ban thụy « Văn-trinh » cùng hiệu Khang tiết ít lâu, cụ được tòng tự Văn-miếu, (trong đời Tây-sơn bãi đi, đức Minh-mệnh lại ân phục (1837). Chu-đình-Bảo, Tiến-sĩ đời vua Thánh-tông (1460 1497) nhà Lê, tức là dòng-dõi nhà cụ vậy.

Năm quí-mão (1783) đời Cảnh-hưng, Hành-tham-tụng Bùi huy-Bích mới tỏ ý hâm mộ với quan Hiến-sát-sứ Hải-dương là Lê-duy-Đản cố tìm chỗ ẩn cư của cụ trong hàng núi Kiệt đặc; ngay đầu năm sau thì tìm được di-tích ở sườn núi, Hiến sát-sứ sai tạc đá Kính-chủ làm bia khắc tám chữ « *Chu Văn-trinh tiên sinh ẩn cư xứ* »

Năm Tân-sửu (1841) đời vua Thiệu trị quan Án Nguyễn-Bảo nhân thăm xem bia, bèn dựng đền lên nền cũ (vết ở Phượng-sơn từ bây giờ lên một ít, vào phận núi thôn Tường xã Kiệt-đặc-đoài) cả phụng thờ cụ và có đặt ruộng thờ cùng nghi-chú giao cho dân sở-tại. Hiện viện Bác-cổ Viễn đông còn bảo tồn bốn cái bia ở đền, mặt hiệu cổ nhất là « Cảnh-hưng Giáp-thìn » (1784). Câu đối thờ hiện có như sau này:

古壁名高鳳嶺懸泉
饒迢迢
斗山望重黎前李後
別師尊

Cổ bích danh cao, Phượng lĩnh miết toàn nhiễu đặt thả.
Đẩu sơn vọng trọng, Lê tiền Lý hậu biệt sư tôn.

七斬特孤忠南矣道
未湮清烈水
一生能萬世東之阿
獨峙鳳凰山

Thất trảm đặc cô trung, Nam hĩ đạo vị nhân Thanh-liệt thủy.
Nhất sinh năng vạn thế Đông chi a độc trĩ Phượng-hoàng sơn.

南國儒尊懸北斗
東阿樵隱邱高山

Nam quốc nho tôn huyền Bắc-đẩu.
Đông-a tiều ẩn ngưỡng cao sơn

Lại có bài ca vịnh phong cảnh, lược kể như sau này:

« Kiệt-sơn thất thập nhị phong,
Phượng-hoàng đệ nhất trong vùng Chi linh,
Non Tường non Mát bao quanh,
Qua Hàm-ếch trải Phương-đình bước lên,
Bên tháp Thánh, bên động Huyền,
Cách qua bãi Nhạn gần miền hang Dơi,... »

Nguyên quán cụ ở làng Quang cũng có dựng đền riêng thờ phụng và sắc phong thần thượng-đẳng, trong có câu đối nôm cung đề.

« Thất chẩm xớ còn thơm, gương sử thẹn cho tuồng mại quốc;
Lục kinh giọ chưa nguội, bẻn huỳnh treo mãi chốn danh hương ».

Miếu mạo nguy-nga mà dân một vùng ấy đều tôn cụ là « đức thánh Chu » cũng như tiếng đức thánh Khổng ở nước Nam.

Sử-quan Ngô sĩ-Liên có bình phẩm cụ rằng: « Thờ vua dám phạm tiết mặt mà không tỉnh, xử thân chỉ lấy đạo chính mà không tà, gây dựng nhân tài thì công khanh cũng có là học trò, cao thượng phong tốt thì thiên-tử chẳng khinh như tôi tớ; huống chi là tiền mạn chứng chạc mà đạo thầy càng tôn thanh khí cai ghê mà lẽ tính càng khiếp; kẻ ở sau ngàn năm kia nghe tiếng cụ ấy dẫu người ngoan ngu cũng phải liêm lai mà người lười hèn cũng biết lập chí. »

Thư-ngọc, TRẦN-HÀM-TÂN

ĐỌN COI SỐ TỚI

Phê-bình « Khổng-giáo với ông Đào Duy-Anh »

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Từ mình tình của Phan Lương khê đến thần-chủ của Bùi Hữu-Nghĩa

LÊ THỌ XUÂN

Đọc sách

HIỀN ĐẠM

Mấy hội từ thiện với nhi-đồng

HOA BẰNG

Tài liệu để định chính những bài văn cổ

Số 75

Ứng-hoà NGUYỄN-VAN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều *(bài nối)*

Câu « Nỗi nàng hỏi hết phân minh Chồng con đâu tá, tính danh là gì ? », kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (tên là *Đoạn trường tân thanh*, tờ 73 b) chú rằng : « Có bản viết : Anh - hùng lúc ấy tính danh là gì ? »

— Câu « Đại - quân đồn đóng cõi đông, Về sau chẳng biết vân-mồng làm sao », kinh-bản chép « Đại đồn quân đóng cõ đông, Về sau chẳng biết sự công thế nào ».

— Các bản đều viết « Xót thay chế lá bơ-vơ, Kiếp trần biết rũ bao giờ cho xong », duy kinh-bản chép « Kiếp phong - trần rũ bao giờ cho xong ».

— Đến câu dưới, hai bản quốc-ngữ của ông Nguyễn - văn - Vĩnh (1929 tr. 173 ; 1943, tr. 701) và kinh bản chép là « Hoa theo nước chảy xuôi dòng, Xót thân chìm nổi, đau lòng bợp tan ». Phường - bản của Quan-văn-đường (tờ 92 b) và *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của trường Bác - cổ, số AB 233, q. 3, tờ 48 b) chép là « Hoa trôi nước chảy xuôi dòng ».

— Hai bản quốc-ngữ và kinh-bản chép « Đàn cầm khéo ngẩn ngơ dây, Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi ». Phường - bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Lò hương... ».

Các bản đều viết « Bình - bồng còn chút xa-xôi, Đỉnh - chung sao nỡ ăn ngồi cho yên ». Duy kinh bản chép là « Bình-bồng còn kẻ xa xôi », xem ra phải hơn, vì câu này là Kim - Trọng tự nghĩ rằng : Còn Thúy - Kiều đương trôi nổi ở phương xa thì nỡ nào sung-sướng một mình ? Chữ « kẻ » ấy là chỉ Thúy - Kiều, nếu đặt chữ « chút » thì lời văn hơi khinh, không đúng với tâm - sự. Bản dịch chữ tây (1943, tr. 703) giải nghĩa chữ « chút » theo nghĩa chính là (ce peu) thì không đúng.

— Câu « Rắp mong treo ấn từ quan, Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha », quốc - ngữ mới (tr. 703) và *Kim Vân Kiều chú* chữa là « cũng qua » thì không phải : chữ « pha » đây nghĩa là sông-pha. Câu này ý nói dù gặp sông cũng lội, gặp rừng núi hiểm-trở cũng sông - pha : thiết tưởng thế mới đúng khẩu-khí của người đi tìm ; nếu đặt chữ « qua » thì thường lắm, mà lại trùng với chữ « can qua » ở câu dưới là câu : « Giãn mình trong ánh can qua ».

— Đến câu « Nghĩ điều trời thẳm vực sâu, Bóng chim tăm cá, biết đâu mà nhìn », kinh-bản chép là « Lại e trời thẳm vực sâu... ».

— Câu dưới các bản chữ nôm đều viết « Những là nằn-nả đợi tin, Nắng mưa biết đã mấy phen đổi dời », Hai bản quốc-ngữ viết là « đã biết » thì có lẽ không phải.

— Phường - bản và *Kim Vân Kiều chú* chép « Kim thì cải nhậm Nam - bình, chàng Vương cũng cải nhậm thành Duy dương », Kinh - bản chép là « Vương thì cũng cải nhậm thành Thư-dương ». Quốc - ngữ cũ (tr. 179) chép là « Chàng Vương cũng cải nhậm thành Thư - dương ». Quốc - ngữ mới (tr. 705) chép là « Phú-Dương ». *Vương Kim diễn tự* chép là « châu Dương ». Bản chữ nho của Thanh-tâm tài-nhân, dịch ở dưới này, cũng chép là « châu Dương ». *Kim Vân Kiều chú* dẫn *Đại Thanh địa dư chí* như sau này : « Huyện Lâm-trị thuộc phủ Thanh-châu, tỉnh Sơn - đông ; huyện Lâm-thanh thuộc phủ Đông-xương ; huyện Nam-bình thuộc phủ Diêu-bình, tỉnh Phúc-kiến ; huyện Duy-dương và Thai - châu thuộc tỉnh Tích-giang ». Như thế thì « Duy-dương » phải hơn. Vả lại, chữ « duy » mịch bên bản duy, có lẽ nhầm ra chữ « Thư » mục bên bản duy.

— Câu « Xẩy nghe lễ giặc đã tan, Sóng êm Phúc - kiến lửa tàn Tích-giang ». Duy phường - bản chép là « tro tàn ».

— Các bản đều viết « Rằng : Ngày hôm nọ giao bình, Thất cơ Từ đã tan tình trận tiền ». Kinh-bản chép là « Từ ngày hôm nọ giao bình ». Quốc-ngữ cũ (tr. 108) chép là « Rằng Ngày trước nọ giao bình » thì không phải.

— Câu « Trông lên linh-vị chữ bài, Thất - kinh mới hỏi những người đâu ta », kinh-bản chép là « vội hỏi » phải hơn.

— Quốc-ngữ cũ (tr. 181) và kinh-bản viết là « nghe tin nhơ-nhác rụng-rời, xúm quanh kề-lể rộn lời hỏi tra ». Quốc-ngữ mới (tr. 717) và phường-bản chép là « kề họ ».

— Các bản đều viết « Giác-duyên lên tiếng gọi nàng, Bỗng trong vội dạo sen vàng bước ra »

— Các bản nôm đều viết « Giọt châu thánh thót quẹn bào, Mừng-mừng tủi-tủi xiết bao là tình ! ». Kinh-bản chua : « Quẹn bào có hai nghĩa : một nghĩa là lấy vạt áo lau nước mắt, một nghĩa là tay áo ». Chữ « quẹn » viết chấm thủy bằng chữ quyền, ta thường đọc là quyền, nhưng từ-điển tàu không có chữ ấy, nên đọc là « quẹn », hoặc « quên ». Về dưới quốc-ngữ mới, (tr. 724) chép là « Mừng mừng tủi tủi biết bao sự-tình ! ».

***

Từ câu « Rập mong treo ấn từ quan, Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha » trở xuống bản chữ nho của Thánh-Tâm tài-nhân chép như sau :

Kim-trọng nghĩ đi nghĩ lại muốn bỏ chức quan để đi tìm ; nhưng trải mấy năm loạn-lạc, quân giặc giết người như rác, các đồn-ải canh-phòng nghiêm-ngặt, thì làm thế nào mà đi được ? Nghĩ rồi lại thôi thôi rồi lại nhớ, nhớ đến lại càng thêm đau lòng xót ruột. Bên cùng Thúy-Vân ngâm bài thơ « từ biệt » của Thúy-Kiều, gảy khúc đàn « hồ cầm » của Thúy-Kiều, đốt một nén hương của Thúy-Kiều còn sót lại. Sau khi thơ ngâm hết, đàn vừa xong, hương đang cháy, hình như trông thấy Thúy-kiều thấp-thoáng ở trước mắt hai người : đó là cái tinh thần bài thơ « lưu biệt » của Thúy Kiều, có cái sức cảm-động, cho nên Kim-trọng và Thúy-Vân thấy thế. Từ bây giờ trở đi, Kim-trọng hình như say mê trong mộng-tưởng, chẳng phải điên-cuồng đỗ-dại, mà cũng chẳng ra điều lành.

Thống-chế Pétain đã nói :

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm bền lộ tinh thần của giống nòi bằng lời, nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

Thấm-thoát đã qua ba năm, Kim-trọng được đổi làm huyện-lệnh Nam-bình thuộc tỉnh Phú-Kiến, Vương-Quan cũng đỗ hoàng-giáp, được bổ phủ Tứ-châu Dương. Hai người bàn nhau rằng : « Kỳ hạn đến chỗ làm quan hãy còn sớm, ta nghe ở Tiền-đường thế giặc đã yên, đến Tích-giang hỏi thăm tin-tức Thúy-Kiều, rồi sẽ đến chỗ làm quan, cũng chưa muộn gì ». Hai người bàn định xong, trình qua cha mẹ, hai ông bà đều mừng lắm, cùng khởi trình một ngày để đi đến Tích-giang. Khi đến Hàng-châu, thuê nhà ở lại, để đi hỏi thăm tin-tức. Mới nghe được Từ Hải đã chết, Thúy-Kiều công cao không được thưởng, lại gả cho Vĩnh-thuận tể-trưởng, nửa đêm Thúy-Kiều nhảy xuống sông Tiền-đường chết. Kim-Trọng nghe được tin ấy không nói được lời gì, bật lên khóc to, cả nhà cùng khóc, rất là thảm thiết ! Rồi đi sắm-sửa lễ cúng, đem đến trên sông Tiền-đường, đặt một bài vị viết tên Thúy-Kiều để cúng, giót ba chén rượu, định làm văn-tế, nhưng vì tình đau thương quá, phải đọc bài *chiêu hồn* của Tống-Ngọc chép trong *Sở-từ* để viếng. Đọc xong, cả nhà cùng khóc, hình như lở đất long giời !

Chợt thấy một vị sư-bà đi qua, trông thấy bài vị đề tên Thúy-Kiều, cười to lên rồi hỏi : « Vương Thúy-Kiều với các người là họ hàng thế nào, mà các người khóc ? Các người khóc lầm rồi ! » Cả nhà nghe sư bà nói, ai cũng lấy làm lạ, Kim-Trọng thì nhận Thúy-Kiều là vợ, Vương-Quan thì nhận là chị, ông bà Viên-ngoại thì nhận là con gái, đều nói rằng : « Nó đã gieo mình xuống sông chết rồi, chúng tôi là chí thân, nên đến đây chiêu hồn và khóc, sao sư bà lại cho là lầm ? Sư bà trả lời rằng : « Thúy-Kiều tuy có nhảy xuống sông tự tử, nhưng có người cứu, thế thì các người khóc, chẳng lầm là gì ! » Cả nhà nghe nửa mừng nửa nghi, đều vội vàng hỏi : « Sư-phụ nói thật chứ ? » Sư-bà nói : « Tôi đã xuất-gia, không bao giờ nói dối ». Kim-Trọng hỏi : « Nếu quả Thúy Kiều chưa chết, thì ở chỗ nào ? xin cho chúng tôi biết ». Sư-bà đáp rằng : « Hiện ở trong am phía trước đây, chứ đâu ! » Cả nhà nghe, xiết lỗi vui mừng, đến trước sư-bà làm lễ, và nói rằng : « Muốn trông ơn sư-phụ, cho chúng tôi được thấy mặt Thúy-Kiều, không bao giờ dám quên ơn ». Sư-bà nói : « Không những các người cần thấy mặt Thúy-Kiều, chính Thúy-Kiều cũng cần thấy mặt các người. Nào, cùng đi với tôi ». Cả nhà mừng rỡ, không ngồi kiệu (tức là cáng hoặc võng-sơn), không cưỡi ngựa, đi bộ theo sư-bà, quanh hết cái thác ở bên sông, đến một dãy cỏ lau, tức là đến trước am, đẩy cửa vào, thấy sư-bà ngành vào phía trong gọi : « Trực-tuyền, em

ơi! cả nhà em đã ở cả ngoài này, mau mau ra mắt ». Vừa dứt lời, thì Thúy-Kiều đã bước ra, thấy đủ cả cha mẹ, em giai, em gái, lại có cả chàng Kim chạy lên trước Vương-ông Vương bà, rồi Thúy-Kiều gục vào lòng mẹ khóc to, nói rằng : « Con chịu biết bao nhiêu nỗi đắng-cay khổ-sở! Tưởng đã chết từ bao giờ, ngờ đâu còn sống đến ngày nay mà đi ốc gặp nhau ». Vương Quan và Thúy-Vân mừng đến nỗi giơ tay múa chân, mà chỉ gọi hai tiếng « chị chị », chứ không biết nói gì nữa. Kim-Trọng không tiện đến gần, nhưng vẻ vui mừng lộ ra nét mặt. Thúy-Kiều mới đứng dậy, lạy cha mẹ, rồi vái chào Kim-Trọng, lại cùng Vương Quan Thúy-Vân và họ Chung (vợ Vương-Quan) làm lễ vái chào. Chào xong, cả nhà ngồi xuống. Thúy-Kiều kể rõ đầu đuôi một lượt, kể đến chỗ bị khổ, cả nhà đều đau đớn thương thay, kể đến chỗ báo ơn báo oán, cả nhà đều lấy làm thỏa thích. Vương-ông nói : « Các việc con vừa kể lại, cả nhà đều rõ cả, duy có việc con gieo mình xuống sông, ai cứu con, chưa thấy kể ». Thúy Kiều nói : « Chính là Giác-duyên đạo-huynh đây. Mua một cái thuyền chài, lại thuê đan lưới, và thuê người ngày đêm chực ở bên sông để cứu con ». Vương-ông nói : « Vậy thì sư-phụ là tái-sinh phụ mẫu của con », nói rồi cúi xuống lạy sư Giác-duyên. Vương-bà, Kim-Trọng, Vương-Quan, Thúy-Vân và họ Chung, đều cúi xuống lạy sư Giác-duyên. sư-bà vội vẳng lạy đáp.

(*Còn nữa*)

Dịch hóc NGUYEN-VAN-TỐ

BA NGƯỜI THỢ . . .

(*Tiếp theo trang 16*)

rằng muốn cho người Việt nam chỉ chuyên học chữ pháp, làm cho người Nam thành người Pháp cũng như xưa kia người ta đã làm cho người minh thành người Tàu, là không được, và cổ động cho người minh học chữ quốc ngữ. Công việc thứ nhất ông làm rất hăng hái ông viết báo vừa quốc văn vừa pháp văn, chủ trương rằng người Việt-nam phải học chữ quốc ngữ. Nước Việt-Nam là một nước cổ vốn đã có một cái văn hóa. Ngày nay hình như cái văn-hóa ấy không hợp thời, cần phải lấp thụ lấy một văn hóa mới cần cho sự sinh-tồn của quốc-gia trong thời đại mới. Bước đầu là gây lấy một cái học mới, cái học mới ấy là do nước Pháp truyền-bá cho. Nhưng khó khăn thay, nếu người Việt-nam chưa có lịch sử, chưa biết văn minh học thuật là gì thì nước Pháp cứ việc cho người Việt-nam học chữ tây, đồng hóa được đến đâu tay đến đó, khốn nỗi « dân Việt nam không phải là một tờ giấy trắng muốn vẽ gì vào cũng được ; tức là một tập giấy đã có chữ sẵn từ đời nào đến giờ rồi, nếu bây giờ viết đè một thứ chữ mới nữa lên trên, thì e thành giấy lộn mất. » Dạy cho người Việt-nam học chữ Pháp ngay từ nhỏ, « kết quả chỉ đủ làm cho người An-nam mất giống An-nam, mà chưa chắc đã hóa được theo Tây hẳn », thành ra một hạng người, tây chẳng ra tây, an-nam chẳng ra An-nam, học hết bực sơ-đẳng, chữ tây thì chưa đủ dùng, chữ an-nam thì vì không chuyên cũng không đủ dùng nốt.

Vậy người Việt-nam trong những năm giáo dục đầu, phải học phổ thông bằng chữ quốc ngữ...

Hình như sự hô hào của ông sau này có cái kết quả là nhà nước lập ra kỳ-thi sơ học yếu lược ở khắp ba-kỳ.

(*Còn nữa*)

LÊ-THANH

Đã in xong :

TIẾNG VỌNG SÔNG NGÂN

Thi-phẩm của NGÂN GIANG

A. — LOẠI ĐẶC BIỆT :

1) 5 bản trên giấy *Bạch-Tuyết* (riêng loại sách này có ảnh tác-giả) Giá : 100$00

2) 25 bản trên giấy lụa *Tây-Hồ* — 40$00

B. — LOẠI QUÝ :

lu trên giấy lụa *Trữ-La* Giá : 12$00

Hai loại sách này đều có 2 tranh minh-họa của họa-sĩ TRỊNH-VĂN *Bìa do họa-sĩ Trịnh-Văn vẽ bản đồ và trông coi việc ấn-loát*

Không gửi theo lĩnh-hóa giao-ngân. Mua lẻ, thêm 1$00 cước

Đại lý trừ 25%. — *Thư, Ngân phiếu gửi về :*

Bà ĐỖ THỊ QUẾ 44, Hàng Bông HANOI.

Bản sách dẫn về « Đại-Nam Liệt-truyện »

Số 21

Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỌ
QUANG 珖 Dương	tự ôn-như	Hà-nội, Sơn-lăng	N	42	8b	
QUANG » Đoàn-thị		Hưng-yên	N	44	7a	
QUANG 光 Đỗ	tự Huy-cát	Hải dương, Gia lộc	N	31	2a	
QUANG » Hồ-xuân		Biên hòa, Phước chánh	S	9	11b	nay là vùng Châu thành [và Tân uyên
QUANG » Huỳnh		Thừa thiên, Hương trà	T	6	22a	
QUANG » Huỳnh-hữu		Không rõ	N	40	23b	làm Trì huyện Trà-vinh (Nam kỳ)
QUANG » Huỳnh-văn		Định tường, Kiến hòa	N	40	10a	nay là vùng chợ gạo (Mỹ tho)
QUANG 珖 Lê-đắc		Bắc ninh, An phong	N	33	11a	
QUANG 光 Nguyễn tấn		Quảng nghĩa, Chương nghĩa	N	40	11a	
QUANG » Trần-dương	tự Thúc-khiêm	Nam định, Mỹ lộc	N	33	12a	
QUANG » Trần-trọng		Nam định, Giao thủy	N	38	21b	
QUANG 珖 Võ	tự Mộng-lý	Bắc thành, Thọ xương	N	42	11a	
QUANG 光 Võ-đình		Bình định, Phù cát	S	25	3a	con Võ đình-Duyên
QUÁT 适 Cao-bá		Bắc ninh, Gia lâm	N	46	14b	
QUẬN 郡 Nguyễn		Vĩnh long, Bảo an	S	15	9b	nay là Batri (Bếntre)
QUẾ 桂 Lê-văn		Gia định, Bình dương	S	15	25a	nay là vùng Sàigòn
QUẾ » Trương-đăng	tự Diên-phương, hiệu Đoàn-trai	Quảng nghĩa, Bình sơn	N	21-22	—	biệt hiêu Quảng-khê
QUÍ 逵 Đồng-văn	tự Bộ-vân	Quảng nghĩa, Chương nghĩa	N	38	28a	
QUÍ 貴 Huỳnh-văn		Không rõ	S	18	10a	
QUÍ » Mai-thế		Hà tịnh, Can lộc	N	33	17a	
QUÍ » Ngô-công		Hà tiên, Long xuyên	S	14	8a	nay là Cà-mau
QUÍ » Nguyễn-cửu		Thanh hóa, Quí huyện	T	4	6a	con Nguyễn-cửu-Thế
QUÍ 樻 Bùi	tự Hữu-trúc	Hưng yên, Tiên lữ	N	29	9b	
QUÍ 楑 Lưu	hiệu Nguyệt-giang	Hà nội, Thanh trì	N	32	13b	
QUYÊN 捐 Nguyễn-thị		Hà tịnh, Nghi xuân	N	44	4a	
QUYÊN 涓 Nguyễn-thị		Hà nội	N	44	4b	
QUYỀN Châu-viễn		Người Tàu	S	23	2b	Bộ tướng của Hà bỉ-Văn
QUYỀN » Đỗ-văn		Hà tịnh, Nghi xuân	N	40	10b	
QUYỀN » Hà	tự Tốn-phủ	Hà nội, Thanh uy	N	25	8b	
QUYỀN » Nguyễn-phú		Gia định, Phước lộc	N	40	4b	nay là vùng Cần-giuộc
QUYỀN » Nguyễn-văn		Biên hòa, Bình an	N	15	3b	nay là Thủ dầu một
QUYỀN » Thân-văn	tự Dụng-trung	Thừa thiên, Phong điền	N	28	1a	
QUYỀN 權 Trần-thị		Bình định, Bồng sơn	N	44	7b	
QUYỀN 拳 Võ	tự Tốn-trai	Bắc ninh, Lương tài	N	25	4b	
QUYỀN 絹 Đặng-văn		Bình định, Phù mỹ	N	40	7a	
QUỲNH 瓊 Nguyễn-hoài		Định tường, Kiến hòa	S	19	9b	nay là vùng chợ-gạo (Mỹ-tho)
QUỲNH » Phạm-văn		Bình định, Phù cát	S	14	6a	
QUỲNH 烱 Huỳnh		Thừa thiên, Hương trà	N	18	4a	Bích-tôn của Huỳnh-Quang
QUỲNH » Võ-hoàng		Nghệ an, An thành	N	19	7b	

1) T : Tiền-biên, S : Sơ-tập, N : Nhị-tập.

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiêu nhân lống An-Tư công-chúa
ca Thoát-Hoan, đạc thư quốc nan đã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫn thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 20

— Công-chúa cho nghe.

— Tôi xin chờ đợi, nhưng sa trường bất trắc, nhỡ Vương...

Chiêu-thành vương cười ngạo mạn:

— Công-chúa lo cũng phải. Nhưng tôi sẽ chẳng làm sao. Khi trước tôi còn sợ giặc và sợ chết. Ngày nay tôi coi thường cả. Giặc là cái thù không đội trời chung, chết là kẻ thù ngăn chiến thắng. Tôi không chết đâu.

— Nhưng vạn nhất mà Vương rủi ro?

Vương không đáp. Công chúa tiếp:

— Tôi xin chờ đợi ngày Vương khôi phục kinh thành. Nhưng vạn nhất mà Vương rủi-ro, thì tôi thề theo Vương cho trọn nghĩa.

— Vương và Công-chúa cũng vậy. Nếu Công-chúa không đợi đến ngày tái hợp, tôi cũng không sống làm gì.

Sáng đã hoàn toàn. Chim chóc sau một hồi do dự, nhịp nhàng ca xuân theo một điệu khúc nhẹ nhàng. Cả bầu trời xuân như vọng tiếng hân hoan. Búp lộc mơn mởn, đất linh giấc ngủ mùa đông, rùng mình dâng một mùi thơm bằng bặc. Vẻ đẹp của ánh sáng, nhạc trọng của ca chim, màu sắc của cỏ cây, và chất thơm của buổi mới, hợp thành một ý xuân tươi. Trước mặt hai người thanh niên, trên mảnh lụa mặt hồ, một chiếc chim cuồng xuân xé toạc.

An-Tư tặc lưỡi, nghĩ một mình, chua xót:

— Cảnh đẹp quá, sao ta lại phải lên đường trong buổi xuân này? Than ôi! Chàng bạn, ta mong gặp chàng mà chẳng muốn gặp chàng.

Mắt nàng như một trời bí ẩn. Và toàn thân nàng như xuyên một nét buồn. Nàng ủ rũ, nhìn Vương một lần cuối cùng, lâu lâu không chớp mắt, để khỏi quên từng nét nhỏ của tình-lang. Mắt nàng ươn ướt, ẩm thấm như một hậu cung.

Chàng ta kiếm vào đó, cầm tay nàng:

— Xin tạm biệt Công-chúa.

Nàng nắm chặt lấy tay chàng như cố níu lấy một lần cuối con người mà nàng đã coi như cách bên kia thế-giới. Vương lỗng chôn một nỗi buồn;

— Nhưng rồi ta có cứu được nàng không? Sắc đẹp nhường kia, trời không đúc được một người đẹp hơn thì có lẽ nào, lại bắt nàng đi ngay được? Thông ôi! Người liệu có điềm phúc cướp lại nàng không?

Chàng vương một ý hối; và nàng giương mắt ngoảnh lại thời gian trách-móc. Tân ngẩn nhìn nhau, bỗng vô tình rào bước.

Tất cả xã hội lưu vong ở Thanh hóa đều biết Chiêu-thành vương và Công-chúa tình tự trên đồi Cổ Hạc. Khi họ lên đồi, người ta đã biết, nhưng không ai ngăn trở, và cũng không ai chê cười. Một người như An-Tư, mang một số mệnh lớn lao và thê-thảm, ai còn trách móc? Quân sĩ được cắt đi tiễn An Tư đã tề chỉnh; thuyền hoa đã tục trực ngoài khơi, mà đôi tình nhân vẫn chưa xuống. Phút giây thần thánh, họ không dám làm loạn, giả sử An Tư và Chiêu-thành vương đứng mãi trên đồi, có lẽ cũng không ai nỡ đến phá cuộc chuyện trò. Nỗi éo le của thời thế, và sự lỡ dở của một nhân duyên đẹp cố nhất đời, đã làm cho người ta bàn tán, người ta thở than, người ta tiếc nuối; nhiều người còn ứa lệ cảm thương. Một người bỗng nói

— Ai cũng ái ngại cho Ngưu-lang, Chức-nữ có biết đâu tình cảnh Công-chúa và Chiêu-thành vương còn thảm thiết gấp trăm, gấp nghìn. Ngài cũng không đành lòng.

— Chức-nữ, Ngưu-lang còn mỗi năm gặp mặt một lần, còn nhà.

— Còn như thì làm sao?

— Thì nhỡ cả.

— Sao lại nhỡ? Hai tháng nữa, ta đuổi Thoát Hoan đi, cứu Công-chúa, việc mọi lại như xưa. Cái công cứu mười vạn sinh linh, muôn đời còn ghi tiếng, thì vài tháng thất thân cùng giặc có hề gì? Cũng bằng như chúng mình: dẫu phải

cụt chân, cụt tay nhưng khỏi phục được non sông, cũng không quản ngại.

Nàng đã trang điểm rất lộng lẫy: nàng tư tưởng cho chiếc thân đi «đánh dĩ», một nghề «quá hay hơn»! Tay đau-đớn trong tình yêu, nhưng nàng không khỏi có chút tự phụ là đã không sống vô ích, giữa lúc tất cả mọi người đang lo toan việc khôi phục. Nàng tự thấy không phải xấu hổ với những người anh hùng hi sinh cho Tổ-quốc. Hình ảnh nàng Tây-Tai phục thù cho nước Việt lẳng-vẳng trong đầu nàng, tuy nàng tự biết không có cái tài của người con gái rắn sa. Và [illegible] nàng không khỏi [illegible] đẹp của nàng [illegible] biết nhưng lớ[illegible] vai lắm lú[illegible] lấy làm vi[illegible] vừa lòng yêu nh[illegible] nàng, vừa tinh thần hi xả bác ái, fa tình thần mãnh liệt chung cho xã hội đương thời, mà tư tưởng Chiến gia đã thấm nhuần mọi lớp Mười vạn sinh linh thoát khỏi tay đao phủ, âu cũng đủ khuây khỏa lòng người thiếu nữ mà lâu đài hạnh phúc đã gọi là hoàn toàn đổ xụp lúc bước chân ra đi.

An-Tư sai đánh con ngựa bạch của nàng ra. Nàng không muốn rời ta con vật có nghĩa của nàng. Nước mắt giàn giụa, nàng nghĩ đến đêm trăng giong ruổi bên người yêu, nàng vỗ con ngựa, nó hí vui mừng tỏ không biết đến nỗi khổ tâm của chủ. Nàng nói:

— Con đi với ta nhé!

Rồi cực thân, nàng lại khóc. Tất cả cung tần phi chúa đều khóc và không biết nói câu gì để an ủi được nàng: nỗi đau khổ mênh mang như bể, một lời nói tầm thường không giúp ích gì cho người xấu số! Hoàng hậu dẫn Hoàng Thái Tử và thân ẩu công chúa Huyền Trân, khi ấy đã được sáu tháng, ra chào nàng An Tư vuốt má Thái Tử, và ẵm Huyền Trân. Cô công chúa tí hon này cũng có đôi mắt to và buồn như An Tư, và nét mặt thì hao hao giống nàng. Trong hoàng tộc, ai ai cũng bảo Huyền Trân rồi cũng sẽ đẹp như An Tư. Huyền Trân vươn bàn tay xinh xắn và nhoẻn miệng cười hồn nhiên, nụ cười đã đánh dấu một sắc đẹp cực kỳ lộng lẫy mai sau. An Tư hôn-hít Huyền Trân mà nàng vốn yêu rất mực. Hoàng hậu nói:

— Cháu giống Công-chúa, mỗi ngày một rõ.

Nàng ôm cháu, cười buồn rười rượi:

— Cháu ngoan nhé, chớ đừng như bà trẻ mà khổ.

Nàng có cầm nước mắt. Khi nàng giao trả Huyền Trân cho Hoàng hậu thì cô bé quý phái khóc hét lên, nhất định theo nàng, nàng lại phải ẵm, như thế đến ba lần. Bảo-mẫu phải đem Huyền Trân đi ra chỗ khác. Tiếng khóc của Huyền Trân vẫn chưa dứt.

An Tư lên ngựa ra bến. Theo nàng có sáu người thị nữ Hoàng-hậu và các công chúa, phi tần đều ra tiễn biệt. Chiêu-thành vương, Hoài-văn-hầu, văn quan vũ tướng cũng theo ra. Hai bên đường, quân sĩ đứng xếp hàng, gươm tuốt sáng ngời, giáo dựng lô nhô, bày ra một cảnh cực kỳ hùng tráng. Sau lưng quân sĩ là dân gian bồng bế con cái, nghển đầu lên nhìn, vừa vì hiếu kỳ vừa vì chút cảm tình đối với Công-chúa. Không ai nói gì nét mặt nghiêm trang, phần nhiều buồn lặng lẽ. Xa xa, trên đỉnh cao, phấp phới ngọn cờ vàng.

Nàng từ từ cho ngựa chạy giữa hai hàng quân sĩ, lộng lẫy trong chiếc khăn đỏ dát ngọc, chiếc áo vân xanh đai vàng, siêm gấm, chiếc quần hồng và chiếc hài phỏ thêu phượng. Những vàng ngọc và màu sắc càng làm bật nổi vẻ đẹp khuynh thành, nhất là bàn tay đai cá, và ngấn cổ trắng tinh. Đôi mắt to, đen, mơ màng và buồn sâu kín, có phần ngơ ngác, thỉnh thoảng nhìn sang hai bên người nào được nàng nhìn [illegible] được một vinh hạnh lớn.

An Tư đột nhiên thấy n[illegible] mang cái đất Thanh kỳ [illegible] nơi mà nàng mới đặt c[illegible] sớm hôm qua, vừa đúng một ngày một đêm. Nàng bàng khuâng nghĩ đến cuộc đời lạ lùng của nàng; nàng âm thầm tự trách, và thèm muốn đời của những người ở lại, từ bà Hoàng hậu đến các phi tần, từ Thượng hoàng đến tướng sĩ, người nào trước mắt nàng cũng thấy hiện một cuộc đời ấm cúng và chứa chan hi-vọng. Và tự so sánh cảnh ngộ ngang trái của mình với sự sống tưng bừng và oanh-liệt của các anh hùng Thanh-hóa, nàng oán trong thâm tâm sự đến cực của số phận.

Chiêu-thành vương đi xát bên cạnh nàng, buồn một vẻ nhẫn nhục. Nhìn tình nhân, nàng càng thêm cực. Nàng thấm cảm cái nghị lực siêu quần của Vương.

(còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Đã có bán :

DÊM HỘI LONG TRÌ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỜNG

GIÁ 3$60

thêm cước 0$70

TY XUẤT BẢN TRI TÂN
95 97, Chanceaulme, — HANOI

ĐÃ XUẤT BẢN ĐỦ BỘ

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân Dương Bá Trạc soạn

Tác giả, bình sinh sở đắc về chữ nho, lại sau bao nhiêu năm xem sách, nghiền ngẫm và dạy học, đã tìm ra được cái mẹo mực, cái q y thức nhất định về sự học chữ nho, nay gom góp đủ vào bộ sách này, cốt cống hiến những bạn muốn học chữ nho có được cái lợi khi hoàn toàn để học lấy một mình được.

Toàn bộ 2 quyển — giá 4$00 cước 0$45
(không gửi lĩnh hóa giá ngân) để cho :
hiệu sách Đông 195,
phố bàn

phí
chịu

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm xuân-Độ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng-hữu-Xứng và A. de R.

Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ ngâm, thì Lục súc tranh công có tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm...» dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$59
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Sắp có bán :

VIẾT VÀ SỐNG

khảo luận của *Nguyễn xuân Huy*

— *Tuyên ngôn của một nhà văn tiến từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa tả thực xã - Hội.*
— *Nói rõ mục đích chính đáng của nhà văn trong lúc này .*

Mới có bán :

Khổng giáo với ông Đào-duy-Anh
nghiên cứu của Nguyễn-Diễm giá 4$00

Sắp in :

Tôn giáo và xã hội
nghiên cứu của Ng. Hải-Âu

TỦ SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

Đang in :

NGÃ BA
truyện dài của Lê mộng Câu
— *Truyện một thanh niên tha thiết yêu đời yêu cuộc sống và thành thực đi tìm lý tưởng.*

ĐẠI HỌC THƯ XÃ
181 Henri d'Orléans Hanoi

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur-gérant : Nguyễn-Tường Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi